

CHÙA YÊN TỬ

LỊCH SỬ - TRUYỀN THUYẾT
DI TÍCH VÀ DANH THẮNG



Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin - Hà Nội

TRẦN TRƯƠNG

CHÙA YÊN TỬ

(HAY “CÔI THIÊN TRÚC LÂM”,

“THẮNG CẢNH YÊN SƠN”)

(In lần thứ tư, có bổ sung, chỉnh lý)

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN
HÀ NỘI 2005**

TRONG TẬP NÀY

□ Lời nói đầu

□ Chương 1: Đường về Cõi Phật:

1. Câu chuyện người xưa
2. Hình voi hay cánh én.
3. Nàng công chúa ngủ trong rừng thức dậy.
4. Nhà Sư và kẻ cướp

□ Chương 2: Bầu trời cảnh Bụt:

1. Suối Tắm-Chùa Trình: Tiên Thần hậu Phật.
2. Chùa Bóng Thiêng hay tên một Thiền Sư.
3. Lưỡi hái nhà trời – Làng Nương, làng Mụ.
4. Chùa Động Rồng.
5. Mới hay chín suối chỉ chung một dòng.
6. Những linh hồn oan khuất.
7. Chùa Giải Oan – Du sơn trong mây ngàn.
8. Đốc Hà Nội – Cuộc du ngoạn trong rừng.
9. Viên ngọc – Mất Rồng.
10. Chùa Chính Hoa Yên- một danh lam cổ tự.
11. Câu chuyện đụn gạo và sữa Mẹ.

12. Đi về nơi Cõi Phật.
13. Dấu tích Hồ thiêng.
14. Cửu trùng đài nhìn thấu được Tiên Cung.
15. Người tu tiên hóa đá.
16. Trên đỉnh Non Thiêng.

☐ Chương 3: Ông vua hóa Phật

17. Trần Nhân Tông – Một ông Vua hóa Phật.

LỜI NÓI ĐẦU

Khu Di tích lịch sử và Danh thắng Yên Tử⁽¹⁾ trải dài ngót 20 cây số, dọc lộ trình của vua Trần Nhân Tông về Yên Sơn tu hành rồi hiển Phật, từ chùa Bí Thượng (cạnh đường 18A) đến chùa Đồng, trên đỉnh Yên Sơn cao nhất vùng Đông Bắc (1068m).

Bảy trăm năm qua, Yên Tử nổi danh là “phúc địa”, gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp phi thường của Đức Hoàng Đế anh hùng Trần Nhân Tông, sau hai lần lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Nguyên-Mông thắng lợi (1285-1288), đã từ bỏ ngai vàng, về tu ở Yên Sơn, sáng lập ra phái Thiên Trúc Lâm, xây dựng nơi đây trở thành một trung tâm văn hóa, kinh đô Phật giáo của Đại Việt, và Người trở thành Đức Phật của Việt Nam.

⁽¹⁾ Trên địa bàn hai xã: Phương Đông, Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Ở Yên Sơn, di sản cha ông còn để lại là hàng chục ngôi chùa, hàng trăm am, tháp, hàng ngàn di vật cổ quý giá, giữa một vùng đồi núi điệp trùng, có thác đổ, suối reo, ẩn khuất trong rừng già đại ngàn, cảnh trí thiên nhiên kỳ vĩ và ngoạn mục, xứng danh là “Đại kỳ quan”.

Với lời viết giản dị, dễ hiểu, cuốn sách kể về Danh Sơn Yên Tử, giúp độc giả tường thêm về Yên Sơn.

Cùng cuốn sách Danh Nhân Yên Tử đã ra mắt bạn đọc, hy vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đường hướng dẫn du khách trong cuộc hành hương chiêm bái Chốn Tổ Thiên Trúc Lâm.

Xin trân trọng giới thiệu cùng Bạn Đọc!

**BAN QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ
VÀ DANH THẮNG YÊN TỬ**

CHƯƠNG I

ĐƯỜNG VỀ CỘI PHẬT

*“Để lại sau lưng cả cung điện vàng son
Những châu báu ngọc ngà, những cung tần
mỹ nữ
Ta đến với rừng thiêng Yên Tử
Gió trăng ơi xin hãy đón ta về”⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Trích trong bài thơ “Trần Nhân Tông” của Hoàng Huy.

1. CÂU CHUYỆN NGƯỜI XUA

Quốc lộ 18A nối mạch Thủ đô với thành phố Vinh ⁽¹⁾. Ở về phía Bắc, có dải núi cao lô nhô bao sóng núi gối tiếp nhau như một bức tường thành, chạy song song theo trục đường quốc lộ, được gọi là vòng cung Đông Triều.

Vòng cung giống như một con Rồng vươn mình ra hướng biển, khúc ẩn dấu sâu vào lòng đất, khúc hiện gồ cong theo dáng núi. Đỉnh cao Yên Tử ví như cái đầu Rồng ngoảnh lại, châu về hướng Thủ đô. Đuôi rồng ở Côn Sơn – một dãy núi thuộc Chí Linh, Hải Dương.

Chuyện kể rằng:

“Ngày xưa, vào đời vua Hùng Vương thứ nhất, đất nước ta bị ngoại bang xâm lấn. Thế giặc mạnh như mưa nguồn thác lũ. Ta cự không nổi. Quân thù tiến dần tới kinh đô Phong Châu. ⁽²⁾

Trong cơn nguy cấp, Vua Hùng kêu cứu lên cha Rồng, mẹ Tiên. Cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ liền phái anh em mình xuống Văn Lang ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh)

⁽²⁾ Thuộc Vinh Phú ngày nay.

⁽¹⁾ Tên nước Đại Việt ta thời đó.

giúp sức. Nơi Rồng đáp xuống, được gọi là Hạ Long. Nhờ Rồng giúp, dân Văn Lang đã đập tan quân giặc. Muôn dân an hưởng thái bình. Các Vua Hùng, đời nọ tiếp đời kia trị vì đất nước.

Việc xong, Rồng lại trở về trời.

Nơi rồng bay lên, được gọi là Thăng Long.

Biết ngoại bang còn mưu toan xâm lược, nhiều rồng ở lại đất nước này. Những địa danh Hàm Rồng, Cửu Long, Hạ Long... như thế chứng minh cho sự kiên tồn của giòng giống Lạc Long trên mảnh đất thiêng này.

Rồng thành núi, thành sông, cùng muôn dân chiến đấu chống xâm lăng, cùng gây dựng nên cơ đồ Nước Việt.

Vòng Cung Đông Triều là một trong số ấy, là con rồng từ ngày xưa ngày xưa vẫn còn lưu lại đất nước này!.

Từ sau Đức Tổ Huyền Quang tu hành ở Yên Sơn viên tịch⁽²⁾, nhân gian lưu truyền: Ngự trên mình Rồng ấy là ba phần mộ của Tam Tổ Trúc Lâm được an táng ở ba vị trí khác nhau: Đệ nhất

⁽²⁾ Viên tịch: Tiếng gọi các nhà sư đạo Phật khi chết. Viên mãn các đức, tịch diệt cái ác. Ý nói lìa khỏi cái khổ sống chết, toàn vẹn cái vui tinh diệu quả đức cùng cực.

Tổ Trần Nhân Tông phần mộ táng ở Hàm Rồng⁽¹⁾, Đệ nhị Tổ Pháp Hoa phần mộ táng ở Thân Rồng⁽²⁾, còn phần mộ của Đệ tam Tổ Huyền Quang thì được an táng ở đuôi Rồng. Chẳng hiểu người xưa có đúng không?.

Chỉ biết: Hàng năm, vào dịp ba tháng xuân, hàng chục vạn khách thập phương về Yên Sơn tráỵ hội, cầu được ước thấy biết bao điều tốt đẹp.

Với khách thập phương: Yên Tử là đất Phật, là Chốn Tổ, Cõi Thiêng... không nơi nào sánh được.

Từ Thành đô ra biển, bên ngoài ô cửa, theo nhịp bánh xe lăn: Dải núi Rồng vươn đang hiển hiện...

⁽¹⁾ Hàm Rồng được coi ở vị trí Tháp Tổ trước cửa Chùa Hoa Yên, núi Yên Tử.

⁽²⁾ Thân Rồng được coi là khu vực chùa Thanh Mai, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng, nơi xây Tháp Mộ của Đệ Nhị Tổ Pháp Loa tu hành ở núi Yên Tử.

2. HÌNH VOI HAY CÁNH ÉN

Tới thị xã Uông Bí, nơi có khu danh lam thắng cảnh Chùa Yên Tử, cách Hà Nội hơn một trăm cây số, cách Hạ Long năm mươi cây số quay trở lại, du khách vào Yên Tử theo một trong hai đường: Hoặc đi đường Dốc Đỏ – Cửa Ngăn vào, hoặc đi đường Lán Tháp – Vàng Danh sang.

Trước năm 1992, du khách thường qua lối Vàng Danh – Lán Tháp: Tới điểm Ngã Năm – Cột Đồng Hồ – trước cổng Nhà máy điện Uông Bí, du khách rẽ trái (nếu từ Hà Nội xuống). Đi hơn mười cây số, tới cầu Lán Tháp lại rẽ trái. Đoạn rẽ xưa kia là đường đất, đá lát gập ghềnh rất khó đi. Nay đổ bê tông rộng rãi và êm ả. Tới ngã ba Miếu Bồng, đường bê tông rẽ phải sẽ đi vào mỏ than. Còn đường thẳng mới là vào Yên Tử. Qua ba cây số nữa, du khách tới ngã tư Nam Mẫu.

Đi theo đường này, du khách bỏ qua tuyến chùa ngoài, không qua Chùa Trình, Chùa Cẩm Thực. Chỉ vào Chùa Lân và tuyến trong.

Ngày nay, đường hành hương theo dấu chân Tam Tổ về Yên Sơn từ Dốc Đỏ vào Giải Oan đã

mở. Các dốc Cửa Ngăn, Mụ Chì, Quàng Hái, Hạ Kiệu được lát bằng bê tông. Lượng người đi bộ về Yên Tử ngày càng một ít dần. Người về bằng xe mỗi năm ước tính tăng gần vạn. Hầu hết các xe du khách đi theo đường Dốc Đỏ – Cửa Ngăn vào.

* * *

Từ Dốc Đỏ dõi nhìn về Yên Tử, hai trái núi Cửa Ngăn như khép lại. Tới gần, chúng tách rời nhau, mở ra khoảng không gian bao la. Ở đó, đỉnh núi Yên Tử nhô ra. Hai ngọn vút lên như đôi cánh con chim én tung bay giữa mây trời vùng Đông Bắc.

Càng gần thêm nữa, đôi cánh én bỗng dưng biến mất. Quả núi Yên Tử hiện hình, sừng sững như một con voi nằm phủ phục. Đôi cánh én giờ đây biến thành đôi gò trán trên đầu chú voi, trông bướng bỉnh. Dựa vào thế núi, người xưa đặt tên cho núi là Tượng Sơn (Núi Voi).

Núi Voi án ngữ gió nồm nam. Hơi nước bề Đông theo gió về gặp núi, ngưng đọng mà thành mây. Mây trắng quanh năm giăng phủ núi. Núi còn có tên: Bạch Vân Sơn (Núi Mây Trắng).

Tương truyền:

Cách đây hơn ngàn năm, có một vị đạo sỹ tên là Yên Kỳ Sinh tu Tiên đắc pháp. Ông tìm đến núi này hái thuốc, luyện đan, mong tìm côi trường sinh bất lão. Dân lấy tên người thay tên núi, nên gọi núi này là núi Thầy Yên (Chữ Hán đọc là Yên Tử Sơn).

Ngày nay, trong dân gian cũng có thuyết cho rằng:

Sở dĩ tên núi là Yên Tử, bởi vì: ở vùng đất trước đó, thuộc Kinh môn Hải Dương, có một ngọn núi là Yên Phụ. Để hợp lẽ tự nhiên, có cha (phụ) phải có con (tử). Ngọn núi phía sau được đặt là Yên Tử. Con cao hơn cha, nhà có phúc. Nên, từ xưa tới nay, vùng đất Kinh Môn, Đông Triều, Uông Bí được coi là phúc địa. Nhà nhà đều thịnh vượng, phát đạt.

Yên Tử có tên là Phù Vân Sơn (núi Mây Nổi), Vua Trần Thánh Tông – cha của Vua Phật Nhân Tông có thơ rằng:

“Sáng chơi núi Mây Nổi.

Đêm nghỉ bến trăng thanh.

Bỗng nhiên được thú lạ

Ngọn bút nảy muôn hình”.

Yên Tử còn gọi là “Linh Sơn” (Núi Thiêng). Văn bia Tháp Trường Quang trước cửa chùa Hoa Yên (Trường Quang Tháp bi) dựng vào năm Chính Hòa thứ tám vương triều Lê, năm 1687, có khắc dòng chữ Hán: “Thùy thế sùng tích Linh Sơn – Trường Quang tháp bi”, dịch nghĩa: “Bia tháp Trường Quang núi Linh Sơn – Di tích tôn quý để lại đến đời sau”.

Ngày nay, ta thường ghép “Non thiêng” với danh từ “Yên Tử” thành cụm từ “Non thiêng Yên Tử”, cũng chỉ làm lại cái việc của người xưa đã từng định danh cho quả núi là “Linh Sơn Yên Tử” đó mà thôi!

* * *

Trước năm 1945, đường vào Yên Tử chủ yếu từ Hải Phòng Thủy Nguyên qua Đốc Đổ, thì chùa Bí Thượng là chùa Trình của cả hệ thống chùa tháp ở Yên Sơn”.

Chùa Bí Thượng mang tên làng Bí Thượng thuộc Tổng Bí Giàng xưa. Sau khi Vua Trần về Yên Tử tu hành, sáng lập ra Thiền Phái Trúc Lâm, thì các phật tử, tín đồ cả nước đổ về Yên Tử để an cư, cầu Đạo. Việc xây dựng một ngôi chùa ở cửa ngõ của Yên Sơn như ngôi chùa Bí Thượng để

làm trạm dừng chân cho khách giữa độ đường là cần thiết. Bởi thế, ngôi chùa Bí Thượng được mọc lên, tham gia vào hệ thống chùa tháp Yên Sơn với tư cách chùa Trình. Chùa Bí Thượng xưa có quy mô to lớn. Vườn chùa rất rộng, bao gồm toàn bộ sườn nam của quả đồi. Đầu thập kỷ hai mươi của thế kỷ này, ngôi chùa bị cháy do địch họa. Có bà họ Bùi (vợ của Bá Liên) đã phát tâm công đức xây dựng lại chùa theo kích cỡ nhỏ hơn so với trước. Đây là dấu tích chùa Bí Thượng cuối cùng bị phá hủy chống Pháp.

Trước chùa, vẫn còn ngôi tháp khá nguyên vẹn. Dựa vào kích thước và kiểu dáng ngôi tháp cũ, cụ quản tự Tràng đã cho tái thiết hai ngôi tháp nữa trên nền tháp mộ các thiền sư còn lại.

Trong chùa, hiện thờ tượng Phật và Tứ Phủ.

Đi từ Hà Nội về Yên Tử, chùa Bí Thượng nằm ở phía bên phải, ngay ở Khu Dốc Đỏ, cách đường quốc lộ chưa đầy một trăm mét. Lung chùa xây ra đường quốc lộ. Cuối năm 1999, bằng công đức thập phương, Ban Quản lý Yên Tử đã tu tạo lại ngôi chùa này.

Ở vào vị trí giao thông không thuận tiện, du khách đi qua thường ít ghé vào chùa. Dân chúng

trong vùng tuần rằm, lễ tết về chùa thắp hương tụng niệm.

Thời gian tới, ngôi chùa Bí Thượng được xây dựng phục hồi. Chùa Bí Thượng trở thành Chùa Trình của cả hệ thống chùa tháp ở Yên Sơn. Chùa Trình Bí Thượng sẽ là Trạm dừng chân nơi cửa ngõ Yên Tử để khách du “đi trình, về tạ”, trở lại lộ trình hành hương tự thuở xưa.

3. NÀNG CÔNG CHÚA NGŨ TRONG RỪNG THỨC DẬY

Mãi nhìn dáng núi, với sự biến hình huyền diệu của thiên nhiên, ngắm hay tên gọi của núi này, dốc Cửa Ngăn đã hiện ra trước mắt.

Ở về bên phải, cách dốc chưa đầy hai cây số, du khách ghé thăm danh thắng mới. Hàng chục khóa đi lễ Chùa Yên Tử, có khi là cả một đời người, ai ngang qua đây, còn chưa hay biết hồ Yên Trung.

Nếu có thời gian, và cuộc hành trình đã thấm mệt, du khách dừng chân lại nơi hồ, hít thở bầu không khí trong lành, tận hưởng những phút giây thanh thản.

Vào hồ Yên Trung có hai đường:

Từ dưới chân Dốc Cửa Ngăn rẽ phải.

Thuận nhất là đi đường chính vào hồ: Từ Hà Nội xuống, vượt quá biển chỉ đường “Yên Tử” chừng hơn một cây số, tới một ngã tư có biển đề “Khu du lịch Hồ Yên Trung” thì rẽ trái, rồi lại đi thêm cây số nữa, tới hồ.

* * *

Hồ Yên Trung nằm ở ngang lưng núi.

Hồ rộng hàng ngàn mẫu, nằm lọt giữa bốn bề núi biếc. Nước từ suối khe trên núi đổ dồn về. Đồi gò bông đảo bập bênh trên sóng nước giữa hồ. Bông đảo phủ đầy thông. Muốn ra đảo đã có thuyền đập nước. Bờ hồ, bãi cát vàng thoai thoải. Quanh hồ là rừng thông, gợi nhớ cảnh Xuân Hương Đà Lạt.

Xuân sang, sương giăng kín mặt hồ.

Hè về, mùa mưa tới, mực nước hồ dâng cao. Mặt hồ rộng ra. Hàng thông đứng dầm chân sát mép nước, mơ màng soi bóng dưới lòng hồ. Hàng ngàn cặp nam thanh nữ tú đổ về đây, du thuyền, tắm gội, cắm trại thâu đêm... Tiếng hát xôn xao cả một vùng.

Vào thu, mặt hồ yên ả và trong vắt. Làn gió heo may làm gợn sóng lăn tăn. Du khách tha hồ ngắm những chú cá nhỡn như bơi tìm mồi.

Thỉnh thoảng, một vài chú cá to phớn chí, tung mình lên cao rồi rơi xuống, tạo thành quần sóng lan xa, lan xa mãi.

Ở một góc hồ, thấp thoáng trong khe núi, bầy le le, vịt trời vui đùa nhau, tung cánh. Chúng về

đây trú ngụ lúc đông hàn. Những đêm trăng sáng, lòng hồ đầy ánh trăng. Bốn bề im ắng, chỉ nghe tiếng chim gù trên núi. Thực là một bức tranh sơn thủy hữu tình.

Yên Trung bây giờ còn nguyên vẻ hoang sơ.

Có nhà văn ví hồ như một nàng công chúa ngủ quên trong lâu đài, giấc ngủ triền miên, từ thuở mới khai thiên lập địa. Nàng chờ nọ hôn từ một chàng hoàng tử nước láng giềng và chỉ chờ có thể, nàng bừng tỉnh giấc và sẽ cùng chàng vui sống đến trọn đời.

Hồ Yên Trung – Nàng Công Chúa Ngủ Quên nay đã thức.

Du khách về đây phải ngỡ nàng. Tạo hóa khéo bày tuyệt tác của thiên nhiên, được kết tụ bởi mây trời non nước thanh hương sắc con người. Nàng vô tư không một chút ưu phiền. Nàng đâu thua kém các chị của nàng như Xuân Hương, Động Đình, Ba Bể hay Núi Cốc...

Để tạo thuận lợi du khách tới Yên Trung trong dịp du xuân về Yên Tử, nơi đây đã đầu tư quy hoạch, tôn tạo lại khu hồ.

Đường vào Yên Trung ra dốc Cửa Ngăn Yên Tử đã được đổ bê tông đi lại dễ dàng.

Trong dịp hành hương về Côi Phật, du khách có thể dừng chân ngơi nghỉ lại nơi hồ, gội sạch bụi trần, thăm thú một vùng danh thắng mới.

Về hồ Yên Trung, du khách có thêm những kỷ niệm khó phai về một vùng đất tiên cảnh – nằm kề Cửa Ngõ Chốn Thiên môn Yên Tử – xưa nay du khách vẫn thường qua.

4. NHÀ SƯ VÀ KẺ CƯỚP

Rời Yên Trung, du khách vào tới dốc Cửa Ngăn. Đường Dốc uốn cong hình chữ S. Dưới chân dốc nhìn lên, quả núi Cửa Ngăn trông giống con rùa khổng lồ nằm chầu về Tây phương.

Bảy trăm năm trước, trong một trận đánh không cân sức, đại tướng nhà Trần đã cho quân ém giữ đất này. Dựa vào thế núi, quân ta đã đánh tan cả đạo quân thủy bộ rất hùng mạnh của tướng giặc Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, góp phần lập nên chiến công oanh liệt Bạch Đằng Giang (cách đó chưa đầy 5km).

Hẻm núi khác nào cánh cửa ngăn quân giặc, nên dốc mang tên là Cửa Ngăn.

Sau cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông thắng lợi. Đức Hoàng Đế anh hùng Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con, mặc áo vải thô, đi hài cỏ, rời Hành Cung Vũ Lâm (Ninh Bình) về Yên Tử tu hành⁽¹⁾. Ngài lấy pháp danh là Hương Vân Đầu Đà, đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Trong

⁽¹⁾ Xin đọc thêm "Danh nhân Yên Tử" NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội 1996, trang 19

chuyến về Yên Tử lần này, Ngài mang theo đệ tử Bảo Sái làm thị giả⁽²⁾.

Đến hẻm núi kia, có ba tên cướp nhảy ra chắn đường, đòi nộp mạng. Vua Trần khoan thai ra hiệu Bảo Sái cho chúng vài lạng bạc, cả suất cơm chay để độ đường. Đoạn ngồi trên mình ngựa, ngài nhẹ nhàng thuyết giáo, thức tỉnh từ tâm, đoạn trừ tam độc trong lòng chúng⁽³⁾. Lời dạy của ngài như những hạt mưa thấm vào nơi hoang mạc khô cằn, làm sống lại những mầm hoa khô, may còn sót lại trong tâm hồn kẻ cướp.

Cả ba quỳ sụp xuống lạy tạ và hứa rằng “sẽ trở về lương thiện làm ăn”. Kể từ ngày đó, chúng bỏ nghề đao búa, chăm chỉ nghề nông, siêng làm công đức xây dựng chùa miếu, trở thành các tín đồ ngoan đạo của Trúc Lâm. Và từ đó ấy, nạn cướp nơi đây được tiết trừ. Con đường dốc gập ghềnh nơi hẻm núi, kẻ lại người qua được bình an.

⁽²⁾ Thị giả: Người hầu cận bên cạnh trưởng lão, để trưởng lão sai bảo các việc.

⁽³⁾ Tam độc: Ba thứ độc hại gồm tham độc, sân độc, si độc (tham lam, sân hận, si mê) thúc đẩy con người làm điều ác, gây phiền não bất hạnh.

Tên dốc Cửa Ngăn, được lưu truyền như để khắc ghi kỷ niệm của một thời tội ác đã hoành hành, trước khi có được ánh hào quang Phật Đạo rọi đến xứ sở này.

Với sự ra đời của Thiền Phái Trúc Lâm, Yên Tử trở thành kinh đô Phật Giáo của Đại Việt. Suốt một dải Cửa Ngăn – Cẩm Thục vào Yên Tử, hệ thống chùa chiền, am tháp được mọc lên. Yên Tử Sơn đã trở thành đất Phật. Con dốc Cửa Ngăn như thể cách ngăn Trần Gian và Cảnh Phật.

Từ đỉnh dốc Cửa Ngăn, ở độ cao khoảng non trăm mét so với mặt biển, con đường hành hương như một dải lụa vàng vắt ngang lưng núi, đưa chân du khách vào Suối Tắm.

CHƯƠNG II

BẦU TRỜI CẢNH BỤT

*“Lên theo dấu tích ngày xưa
Bảy trăm năm ấy... bây giờ còn lưu”*

1. SUỐI TẮM – CHÙA TRÌNH: “TIỀN THÂN HẬU PHẬT”

Quá dốc Cửa Ngăn chừng trăm mét, du khách hành hương vào Suối Tắm. Từ trên cao nhìn xuống: Ngôi chùa thấp thoáng dưới vòm cây đại thụ.

Các ngôi chùa khác ở Yên Tử, muốn lên trên đó phải trèo non. Riêng Chùa Suối Tắm, lại phải đi xuống vài mươi bậc đá xếp. Nét riêng độc đáo của Chùa là điểm ấy.

Chùa nằm trên thế đất Đầu Rùa. Trước cửa uốn cong dòng Suối Tắm.

Tục truyền: Sau khi vượt dốc vào Yên Tử, thấy trò Trúc Lâm ghé qua đây. Trưa hè oi ả. Tiếng suối mùa mưa reo réo rất hòa với tiếng chim rừng ca lạnh lớt. Hoa rừng muôn sắc tỏa hương theo gió thơm ngào ngạt. Bụi đường trường quyện lẫn mồ hôi khiến cả hai bức bối. Vua Trần đóng khố, nhào mình nơi dòng nước trong xanh. Dòng suối cuốn trôi bụi trần ra sông biển. Kể từ dịp ấy, suối được đặt tên: Suối Vua Tắm.

Để người sau tắm suối dưới bóng cây râm mát, Vua trồng cây đa bên bờ suối. Cây đa bây giờ chỉ là một nhánh đa thuở trước còn sót lại, gốc trở thành năm chạc, như bàn tay Đức Phật xòe chỡ che.

Về lễ Chùa, du khách không quên ghé thăm dòng Suối Tắm. Mùa xuân, suối còn ít nước, du khách thích dầm chân dưới suối. Đá suối nhấp nhô, du khách nương chân mà bước qua. Đứng bên dòng suối, ta tưởng thấy dáng thanh cao của Vua Trần đang hiển hiện.

Du khách thắp hương bên suối tưởng niệm Ngài. Nét đẹp tâm linh ấy, nay đã bị phai mờ. Thay vào đó, người ta biến nơi vách núi thành các hang để thờ Cô, thờ Cậu.

Bảy trăm năm qua, đã bao nhiêu nước chảy xuôi dòng, và thế sự đã bao lần thay đổi, nhưng không phai pha dấu tích của Vua Trần.

Bên suối là Chùa. Cảnh Chùa rợp bóng đa, bóng đại.

Xưa kia, nền Chùa chỉ có ngôi miếu nhỏ thờ Bà Nguyệt Nga công chúa em của Quận He Nguyễn Hữu Cầu, một lãnh tụ của nông dân khởi

nghĩa ở thế kỷ 18. Công chúa Nguyệt Nga mất khi còn trẻ, lại có công, nên nghĩa quân chôn cất Bà ở đây và lập miếu thờ Bà, tôn Bà như một Phúc đẳng thần trấn giữ cửa rừng này.

“Nhác trông thấy miếu con con

Bước xuống Suối Tắm đâu còn trần ai”⁽¹⁾

Người già kể lại:

“Miếu này thiêng lắm. Có một trẻ mục đồng buộc trâu cửa miếu đi tắm suối. Trâu làm như bấn cả nền miếu. Về nhà, đứa trẻ bỗng dưng không ăn không nói được. Chân tay co quắp. Nằm đâu ỉa đó, đau vật vã mấy ngày. Thấy lang chịu bó tay. May nhờ một đứa trẻ cho biết việc thằng bé đã buộc trâu ở miếu. Cả nhà ra miếu quét dọn và làm lễ tạ tội. Cháu bé kia mới được bình thân”.

Đầu thế kỷ này, nhà tư sản Bạch Thái Bưởi được sự trợ giúp của tư bản Pháp quốc đã mở lò khai thác than ở khu vực núi này. Để tạ thần núi, ông cùng vợ ba cho dựng một ngôi miếu to đẹp hơn, mái uốn vòm cong thờ Mẫu Địa. Đó là phần

⁽¹⁾ Câu trên trích từ một bài văn lục bát miếu tả lộ trình hành hương về Yên Tử sáng tác dưới thời Vua Khải Định.

hậu cung và bái đường của ngôi Chùa hiện nay. Bức đại tự đề: “Đệ Nhị Địa Tiên” và cửa võng trạm khắc Mai hóa Rồng cũng được tạc lên vào thời đó.

Thời kỳ chống Pháp, Chùa Cầm Thực bị cháy. Chuông tượng của Chùa được nhân dân trong vùng chuyển xuống miếu này.

Miếu thờ tượng Phật, mặc nhiên trở thành Chùa. Miếu chùa Suối Tắm: Trước thờ thần, sau thờ Phật cũng là ở tích này.

Về sau, có một đoàn làm công đức ở Hải Phòng sang xây mở rộng bái đường. Ngôi chùa rộng rãi và có quy mô như ngày nay.

Ở vào vị trí khá đặc biệt, ngày hè oi bức, xuống chùa Suối Tắm vẫn mát rượi. Hoa bông⁽¹⁾, hoa đại sức nức thơm. Mùa đông giá rét, dưới dòng Suối Tắm sương giăng khói, nhưng ở trên chùa vẫn ấm áp lạ thường. Dải núi quanh chùa như một bức thành chặn đứng luồng gió bắc tràn về.

⁽¹⁾ Bông: Cùng giống với bưởi, nhưng thân cây to cao hơn, mọc phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ.

2. CHÙA BÓNG THIÊNG HAY TÊN MỘT THIÊN SƯ

Rời chùa Suối Tắm, du khách hành hương vào Cầm Thực.

Con đường cheo leo trên lưng núi. Bên phải là núi biếc. Bên trái là vực sâu. Đáy vực là dòng Suối Tắm quanh co. Cả đường lẫn suối nằm lọt giữa hai sống núi chạy dài phủ đầy thông, xen lẫn với rừng cây rậm rạp. Hơn một cây số đã tới chùa.

Ngôi chùa Cầm Thực tọa lạc trên đỉnh núi tròn mâm xôi, ở về phía trái lộ trình vào Yên Tử.

Ngày xưa lên chùa, khách phải lội qua con suối nhỏ, rồi rẽ cây, đạp chân lên dốc sỏi mà đi.

Dấu tích ngôi chùa được dựng vào thời Trần, hình chữ “Nhất”, gồm sáu gian. Chùa xưa bị phá và được trùng tu xây dựng lại nhiều lần. Khoảng giữa thế kỷ này. Chùa bị san bằng vì địch họa. Nền chùa chỉ còn đồng gạch vụn và một bát nhang hương lạnh khói tàn. Bốn bề, vài gốc cây

Bước xuống Suối Tắm lễ Phật và thắp cảnh,
du khách đừng quên thắp hương tưởng niệm Đức
vua Trần, Công chúa Nguyệt Nga, hồi hương tâm
linh về Bí Thượng – ngôi chùa Trình nơi cửa ngõ
Yên Sơn!

to lửa cháy nằm trơ trổng. Di tích chỉ còn vài ba cây tháp đổ và một lăng xây vào thời Nguyễn khá nguyên vẹn. Đỉnh lăng đúc hình hoa sen cách điệu nâng đỡ bình đựng nước cam lồ của đức Phật Quan âm Bồ Tát. Đường nét kiến trúc rất tinh vi. Trong lăng vẫn còn tấm bia đá khắc chữ Hán vào năm 1934 Hoàng Triều Bảo Đại năm thứ 9, ghi lại lời phát nguyện của một phật tử khi công đức Tượng vào chùa. Dịch nghĩa:

“Nam mô Đại Từ Đại Bi Cứu khổ Cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát. Rực rỡ giữa trời. Nguyện nga một chốn. Từ Đài báu Liên Hoa rộng đường từ mẫn. Trăm ánh sáng ngà chiếu khắp nẻo u mê. Đài xuân yên hưởng phúc dài lâu. Cõi thọ đạo chơi muôn đời sống mãi.

Nay đệ tử:

Một lòng phụng thỉnh Tam Bảo quy y, đúc ngọc tượng Chốn Đài Sen. Cúi trông tượng Phật trên Tam Bảo. Kính mong được rủ lòng thương để hưởng phúc lâu dài, thọ trường mãi mãi”...

Ở lối lên chùa, lát đá vài cây thông lấy nhựa. Còn toàn cây đại và cỏ tranh.

Mùa thu năm 1993, một Việt Kiều ở Canada tên là Lê Khắc Hoa, người Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng) đã phát tâm công đức xây lát đường lên chùa Cẩm Thục. Đường dài hơn hai trăm mét, bậc đá kè bằng vữa xi măng.

Trước và sau đó, vào giữa năm 1988, cụ Quận Tự Bùi Văn Hải đã thu nhận công đức của thập phương xây dựng ngôi chùa, nhà khách, cổng tam quan và dựng mố cầu. Cầu xây chưa xong thì cụ tịch (tháng 6 năm 1994). Người sau hoàn thiện phần còn lại. Nhờ có cụ Hải chuyên tâm lo việc Phật, không quản tuổi già và thế sự, cảnh chùa Cẩm Thục quy mô như ngày nay. Năm 2004, ngôi chùa đã được xây dựng lại.

Trước lúc lên chùa, du khách phải qua cầu. Cây cầu ba nhịp. Mặt cầu cong duyên dáng. Thành cầu trang trí búp hoa sen chưa nở. Nhiều du khách thích quay phim, chụp ảnh khi đứng trên cầu này.

Phía bên kia cầu là cổng tam quan, dáng vẻ cổ kính, đắp nổi đôi câu đối viết theo chữ thảo:

“Cổ tự lưu danh Linh Nhâm Tự
Kim thời hiển tích Trúc Lâm Thiên”

Dịch nghĩa:

Từ xưa vẫn lưu danh ngôi chùa Bóng Thiêng

Thời nay sự tích Thiền Trúc Lâm còn hiển hiện.

Đôi câu đối này do đại tá về hưu Nguyễn Thi tiến cúng vào năm 1993.

Trên cổng tam quan và đoạn đường dốc lát đá, du khách dừng chân trước sân chùa.

Xung quanh chùa xum xuê cây trái. Quả trứng gà sai chiu chít vàng ươm. Quả hồng đỏ thắm như hàng trăm chiếc đèn lồng treo lơ lửng. Quả mận tím trĩu cành lúc lỉu.

Trước chùa, có tấm biển đá giới thiệu sự tích chùa Cẩm Thực. Tục truyền:

Sau khi tắm suối xong, thầy trò Bảo Sái tiếp tục lên đường. Bấy giờ đã sang trưa. Mặt trời chênh chếch bóng. Bảo Sái mở túi lục tìm cơm chay cho Thày thời ngộ (ăn trưa) mới giặt mình sạch nhớ suất ăn của hai thầy trò đã được đưa ra cho ba tên cướp ở cửa rừng.

Vua Trần vui vẻ cùng Bảo Sái uống nước suối trừ cơm. Đoạn, nằm nghỉ trưa trên núi mâm xôi này.

Về sau, nơi đây dựng chùa. Ngôi chùa mang tên Chùa Cầm Thực (Không ăn) như thể khắc ghi hành động quên mình cứu độ chúng sinh của vị Hoàng Đế tu hành Trần Nhân Tông thuở ấy.

Chùa còn có tên Linh Nhâm Tự:

Gần đây, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Linh Nhâm là tên của một vị Thiền sư đã được Tổ Trúc Lâm giao xây dựng ngôi chùa và nhiều năm trụ trì ở chùa này. Tên của Thiền sư được đặt tên cho chùa, cũng như đặt tên ngôi chùa Bảo Sái ở gần đỉnh Yên Sơn.

Đứng ở sân chùa, ngắm cảnh trí nơi đây, du khách không khỏi ngỡ ngàng vì sự lựa chọn thế đất dựng chùa của thiền sư Linh Nhâm. Cả một vùng đồi núi gối nhau như dải sóng, duy quả núi này đứng riêng rẽ tách bạch. Gió nồm nam hút vào khoảng không được tạo nên bởi hai cánh núi loe ra như miệng phễu, thổi vào chính hướng chùa. Ngày hè oi bức, bốn bề cây cối im phăng phắc, riêng ở nơi đây cây lay, lá động gió mát tràn về như ngồi trên bãi biển. Lên chùa hóng mát dịp hè thật thú vị!

Có người ví nơi đây không khác mấy chốn
Bồng lai Tiên cảnh, như đôi câu đối ở trong chùa
thuở trước

“Hoặc tại tiên cung cư viễn giới
Năng du bồng đảo nhậm cao đài”.

Dịch nghĩa:

Hoặc tại tiên cung ở nơi xa

Hay chơi Bồng đảo chốn đài cao.



Chùa Động Rừng
(Chùa Lâm-Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử)

3. LƯỚI HÁI NHÀ TRỜI LÀNG NƯƠNG LÀNG MỤ

Sau chùa Cầm Thực, qua dốc Mụ Chị, Mụ Em, chưa đầy một cây số, du khách tới một con dốc lớn.

Dốc nghiêng thoải thoải. Mặt dốc lát bê tông. Đường dốc gấp khúc. Dân bản gọi tên: Dốc Quàng Hái.

Ngắm nhìn con dốc, thầm phục người xưa ví von sao khéo thế! Dáng hình con dốc giống lưới hái của người nông dân dùng để gặt lúa.

Già bản kể rằng.

“Ngày xưa, ngày xưa, Trời sinh ra dân. Trời lại cho dân giống lúa để sinh sống. Hạt lúa tra xuống đất. Cây lúa mọc lên rồi trở bông. Lúa chín, dân bản ra nương rẫy tuốt từng bông mang về. Tuy người cố sức, song vẫn không tuốt lúa mang về kịp. Lúa chín rụng hết, còn trơ cuộng. Thú dữ, chim muông về phá phách. Người tiếc đứt ruột mà không làm sao được. Tiếng kêu ai oán thấu trời xanh.

Ngọc Hoàng thương tình, lấy ngay lưới hái nhà trời, sai Tiên ông mang xuống trần gian cho người mượn. Lại bày cho cách dùng lưới hái. Quả nhiên lúa chín, thóc được hái đem về không thiếu một bông nào.

Người bắt chước trời, tìm đồng, tìm sắt rèn lưới hái. Lưới hái của người không thua kém của Trời.

Mê cảnh trần gian. Tiên ông không về trời mà ở lại với Người. Lưới hái nhà Trời để lại trần gian ven triền núi, thành con dốc mang tên là Quàng Hái”.

Già bản còn kể tiếp:

“Thuở xưa, cánh đồng Nam Mẫu nước ngập trắng. Từ dốc Quàng Hái, muốn vào Yên Tử, phải đi bè mà vào. Hay tin Vua Trần vào Yên Tử, các cung tần mỹ nữ của triều đình đã tìm về, gặp vua ở tại con dốc này. Họ khóc than thảm thiết, xin nhà vua quay trở lại triều đình.

Vua Trần không chịu, khuyên họ trở về quê cũ làm ăn. Họ nhất loại quỳ xuống tâu rằng: “Bệ hạ ở đâu, chúng thần xin ở đó!”

Vua cho lập hai làng, đặt tên là làng Mụ, làng Nương ở ven hồ Nam Mẫu. Còn mình cùng Bảo

Sái chống bè vào Yên Sơn. Lòng vua trĩu nặng nỗi lo buồn: Giữa cảnh núi rừng u tịch, chúng dân trong vùng và làng Nương, làng Mụ lấy gì để sinh sống?

Vua cho lập đàn tràng cầu Phật Tổ Như Lai.

Vài ngày sau, nước ở hồ Nam Mẫu rút hết. Lòng hồ phơi ra, khá bằng phẳng. Đất nơi đáy hồ thật màu mỡ. Dân bản ùa ra bắt tôm, cá, khai khẩn bãi hoang thành ruộng vườn. Cánh đồng Nam Mẫu được khai sinh.

* * *

Những chuyện trên được già bản kể lại, chưa rõ thực hư đến mức nào. Điều mà du khách không phủ nhận: phong cảnh nơi đây đẹp mê hồn. Con người hòa hợp cùng non nước!

Mãi mê ngắm cảnh, xe đưa du khách qua cánh đồng Nam Mẫu, rồi lạc ngay vào chốn Động Rồng.

4. CHÙA ĐỘNG RỒNG

Chùa Lân tọa lạc nơi triền núi.

Quả núi giống con Kỳ Lân nằm phủ phục, nên chùa đặt tên theo dáng núi.

Tên chùa được hiểu theo tích khác:

“Ngày xưa, nước ngập trắng cả vùng Nam Mẫu. Muốn lên chùa phải chống bè mà tới. Nhà chùa mến khách, dùng dây chằng cho khách bám lân vào.

Công việc lân dây lên chùa trở thành quen. Đến nỗi đặt luôn tên chùa là chùa Lân”

Chùa Lân tên chữ là Long Động Tự (chùa Động Rồng). Chuyện cũ kể rằng:

“Sau khi vượt bè vào Yên Tử, thầy trò Bảo Sái nghỉ qua đây. Đêm ấy, Vua nằm mơ cười trên lưng Rồng vàng. Rồng vươn cổ bay đi, đưa Vua du lạc vào Động lớn. Phía dưới, có hồ nước xanh nở đầy hoa sen vàng. Những cánh lá sen được đúc bằng bạc, hương hoa sực nức thơm. Mỗi cánh hoa tỏa một vầng hào quang.

Mỗi lá bạc phát ra muôn tiếng nhạc. Rồng vàng chở Vua đi chơi trong hồ sen trong động. Rồi lại đặt Vua lên đài sen.

Vua giật mình tỉnh giấc. Hương sen còn thoang thoảng, tiếng nhạc còn dư âm. Vua khẽ đánh thức Bảo Sái dậy, kể lại giấc mơ dị kỳ cho Bảo Sái. Thày trò thắp lửa, lạ thay: Có bầy Rồng đất từ đâu mò về, nằm kê bên. Thấy động chúng quất đuôi chạy biến.

Vua bảo: Đây là nơi Rồng ở. Bèn đặt cho tên là Động Rồng.

Về sau, nơi đây xây dựng một ngôi chùa. Chùa đã mang tên Long Động Tự (Chùa Động Rồng)

Vài mươi năm trước. Mỗi dịp về lễ ở chùa Lân, du khách được nghe sư cụ ở chùa Lân kể chuyện. Khu vực chùa này có rất nhiều Rồng đất “Ông Rồng” có vây, có sừng và có đuôi...” Ông “rất dạn người. Những lúc trở trời, các “Ông” mò ra, bò vào chùa, leo lên ban thờ phật”.

* * *

Từ năm 1992 trở về trước, tuyến đường hành hương dọc Cửa Ngăn vào chùa Lân chưa mở. Du khách đi đường Lán tháp Vàng danh sang. Chùa

Lân mặc nhiên trở thành chùa Trình của cả khu trung tâm chùa tháp ở Yên Sơn.

Xưa kia, ngô chùa Lân lớn lắm. Chả thế có câu: “Ngô chùa Lân, sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh” là ba cái nhất không thể so bì ở ba cảnh chùa khác nhau vào thời Pháp Phái Thiền Trúc Lâm thịnh vượng. Ngô chùa lát đá như tấm thảm. Đã ai tính được bảy trăm năm qua, có bao bàn chân đặt lên lối đá này. Mặt đá nhẵn bóng, hơi khuyết xuống, chứng minh thời gian và người vô lượng đã đi qua.

Đôi bên thảm đá là hai hàng tháp cổ. Còn lại mười chín ngôi tháp đá và gạch. Nhiều ngôi tháp vẫn còn khá nguyên vẹn. Trong tháp có bia ghi lại hành trạng của các bậc thiền sư khả kính tu hành ở chùa Lân, chủ yếu vào thời Lê. Ví như các tháp: Giao Quang, Hiếu Từ, Từ Ân, Phù Ty, Phổ Minh, Nhā Thừa, Liên Phương và Bảo Quang...

Sân chùa còn ba ngôi tháp cổ. Hai ngôi trước Chính Điện là tháp Viên Minh và Viên Quang. Tháp nổi tiếng là Tích Quang kim tháp, được triều đình nhà Lê ban sắc chỉ xây dựng năm 1726, ngự ở phía sau Nhà Tổ hiện tại, quàn xá

lợi⁽¹⁾ của Tuệ Đăng Hòa Thượng Tổ Chân Nguyên – một bậc Đại Giác Tuệ được triều Lê sắc phong là Tăng Thống Chính Giác Hòa Thượng⁽²⁾.

Như vậy, cả thầy chùa Lân có tới hai mươi ba ngôi tháp. Sau khi công thành quả mãn, các thiền sư đã hóa thân Bồ Tát trở về dưới Phật đài. Đương thời lập tháp để phụng thờ, khắc vào bia đá để lưu dấu tích cho đời sau.

Trong cả hệ thống chùa tháp ở Yên Sơn, trừ Vườn Tháp Tổ trước cửa chùa Hoa Yên, chưa có vườn tháp nào sánh được với chùa Lân về số lượng các tháp. Có lẽ thuở trước, kinh đô Phật giáo Yên Tử đã được hình thành hai trung tâm: Trung tâm Vân Yên (sau đổi thành Hoa Yên) và trung tâm Long Động?

Bên phải hàng tháp ngô chùa Lân vẫn còn sót lại một cây thông mã vĩ, tuổi đến vài trăm, thân to, cao, thẳng, tán xòe như chiếc lọng.

Phải chăng, ngô chùa xưa hai bên được trồng thông? Cái luật vô thường và sự khắc nghiệt của

⁽¹⁾ *Xá Lợi: Tro xương còn lại của thân xác người chết được hỏa táng.*

⁽²⁾ *Xin đọc thêm “Danh nhân Yên Tử” – NXB Văn Hóa Thông tin Hà Nội – 1996, trang 76.*

thiên tai đã làm cho hai hàng thông không còn. Chỉ để lại một cây làm kỷ niệm, gợi ý đời nay phải trồng lại thông ở hai bên lối ngõ vào chùa.

Vượt qua lối ngõ gần trăm mét, du khách mới vào cổng chùa trong. Chùa Lân – Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử ngày nay do Hòa Thượng Thích Thanh Từ cùng Phật tử đạo tâm trong, ngoài nước công đức xây dựng.

Ngày 19 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (2002), Lễ Đặt Đá xây dựng Chùa Lân – Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử được tổ chức trọng thể. Tứ chúng thập phương về dự mấy ngàn người. Sau Lễ đó, Viện Khảo cổ cử Tiến sỹ Trịnh Cao Tường và một số cán bộ về khảo cổ nền chùa. Móng chùa thời Trần ở nơi tòa Chính Điện ngày nay. Trên cơ sở tài liệu khảo cổ học, Trung tâm Thiết kế và tu bổ Di tích – cơ quan chuyên ngành hàng đầu của Bộ Văn hóa Thông tin đã lập Quy hoạch tổng thể và thiết kế kỹ thuật thi công các hạng mục công trình.

Ngày mùng 7 tháng 7 năm Nhâm Ngọ (15-8-2002), khởi công xây dựng các hạng mục công trình gồm Chính Điện, Nhà Tổ, Lầu Trống – Lầu Chuông, Nhà trưng bày, nhà khách, nhà Tăng,

Cổng Tam Quan, nhà Khách Ni. Vào dịp kỷ niệm Ngày sinh của Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ (2002), Tăng Ni, Phật tử cử hành Lễ khánh thành Chùa Lân – Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử với sự chứng dự của gần một vạn người. Vào cuối năm 2003, Thiền đường trên núi được khởi công xây dựng. Đây là nơi tập thiền của các Thiền Sinh tu theo pháp môn Thiền. Nhìn từ xa lại, trên nền phong xanh ngắt của rừng, nổi bật màu ngói đỏ mái chùa san sát kề nhau. Khách du chợt nhớ câu thơ Trần Anh Tông miêu tả chùa Yên Tử thời Trần:

“Lầu son mấy nóc rộng thênh thênh”.

Trong khuôn viên chùa, Phật tử đạo tâm dâng cúng nhiều hoa kiểng, bốn mùa phở sắc, hương thơm ngát.

Du khách thập phương thường lưu lại Chùa Lân, chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính, hiện đại và phóng khoáng, biểu hiện qua các công trình kiến trúc ở đây.

Chính Điện uy nghi. Trên bậc thềm hoa trưng bày dấu tích nền móng chùa thời Trần,

dưới mặt đất thời nay 0,7 mét. Chính Điện thờ tượng Phật Tổ Thích Ca, tay nâng đóa sen vàng mới nở, mắt nhìn thấu tỏ cõi nhân thiên. Tượng Văn Thù, Phổ Hiền bồ tát ngự hai bên, tượng trưng trí tuệ và hạnh nguyên. Ba pho tượng đồng được đúc từ làng nghề ở Huế. Pho tượng Thích-ca Mâu-ni nặng gần 4 tấn, là pho lớn nhất trong số các tượng thờ ở Yên Tử hiện nay. Hai bên cửa vông có ghi câu đối bằng chữ Việt:

“Phật pháp chỉ rành nẻo vào luân hồi đường giải thoát.

Thiền tông lối thẳng không theo thứ bậc đến Chân Như”.

Trên tường bên trong tòa Chính Điện có 09 bức phù điêu mô tả quá trình: trụ thế, xuất gia, tu tập, giác ngộ, thuyết pháp độ sinh, nhập diệt Niết bàn của Phật Tổ Thích Ca.

Trước tòa Chính Điện, hai bên là Lầu Trống, Lầu Chuông. Trống, Chuông được coi là pháp khí của Nhà Phật. Chuông đồng chùa Lân nặng 1,4 tấn. Trống dài gần hai mét, đường kính tang trống chừng một mét, được tạo lên bởi một

thân gỗ liền khoét rỗng. Vào ngày Lễ, ở chùa thường thỉnh chuông, gióng trống. Tiếng trống rền vang, tiếng chuông thanh cao và sâu lắng, từng chình lay động cả núi rừng:

“Hồi chuông thúc giục khách phong trần sớm tỉnh cơn mê”.

“Trống pháp vang rền phá vỡ vô minh thành Chính Giác”.

Kế sau Chính Điện là Nhà Tổ, nơi phụng thờ Tam Tổ Trúc Lâm. Ba pho tượng đồng ngự chính vị tôn nghiêm. Tả hữu ghi câu đối bằng chữ Việt:

“Yên Tử non cao Chư Tổ mỗi đèn truyền tâm ấn

Trúc lâm rừng vắng Điều Ngự nổi đuốc lập tông phong”.

Tường hồi bên phải trong Nhà Tổ trưng bày bộ tranh khảm trai “Thập mục ngư đồ”, diễn tả bằng tranh quá trình hành giả tu tập tìm chân lý, ví tựa nông phu đi tìm, thuần phục trâu.

Nhà trưng bày như một bảo tàng nhỏ của Chùa, tọa lạc bên trái tòa Chính Điện, có nhiều

hiện vật khảo cổ tại chùa Lâm và nhiều sách, ảnh về Thiên phái Trúc Lâm.

(Chùa Lâm xưa...)

Chùa Lâm xưa “sơn son thiếp vàng, nguy nga trắng lợt, không tả xiết”⁽¹⁾. Đó là nơi tu hành hoằng pháp của Tam Tổ Trúc Lâm thời Trần trước khi rời vào trung tâm Vân Yên.

Phía trái tháp Tịch Quang, cây đa cổ thụ bảy trăm tuổi, tán lá xum xuê rợp vườn chùa. Rễ tạo nhiều thân. Hàng chục người ôm không xuể. Chẳng hiểu thân đa mọc lên từ đất ở thân nào. Một khóm rễ đã bao trùm lên gốc thị. Du khách ngỡ là cành thị mọc ra từ thân đa. Cùng với các tháp và nhiều cổ vật người xưa còn lưu lại, cây đa sau chùa cũng trở thành một chứng nhân lịch sử, tạo vật hiếm hoi được bảo tồn.

So với các chùa khác ở Yên Sơn, chùa Lâm có diện tích mặt bằng rộng lớn nhất với các công trình kiến trúc nguy nga nhất.

⁽¹⁾ Theo văn bia tháp mộ chùa Long Động.

Về đây, du khách lễ Phật, tham quan, tập thiền, nghe pháp giữa khung cảnh sơn lâm kỳ thú, để sớm mai tiếp tục cuộc hành trình, vượt qua chín suối, vào Trung tâm Yên Tử.

5. MƠI HAY: CHÍN SUỐI CHỈ CHUNG MỘT DÒNG

Tạ biệt chùa Lân, du khách lên xe vào Yên Tử.

Ngày trước, xe đến chùa Lân là bến đỗ cuối cùng. Đoạn từ Chùa Lân vào Giải Oan, du khách vui lòng mà đi bộ.

Từ hội xuân 1992 đến giờ, tuyến đường vào Giải Oan đã mở. Du khách cứ việc ngồi xe vào đến tận Giải Oan. Trên đoạn đường này, cái thú bộ hành nhớn nhỡ vui với suối, rừng, hoa, bướm, của du khách, nay được thay bằng cái thú ngồi xe mà “cưỡi ngựa xem hoa”.

Khi đoạn đường trên chưa được khai mở, để du khách còn phải nằm chờ đợi ngoài chùa Lân. Khi các đập tràn chưa chắn ngang lòng suối. Khi các mỏ than ở thượng nguồn chưa cạo tróc đầu các đỉnh núi để khai thác than lộ thiên... thì khách hành hương vào Yên Tử đã phải lội qua chín con suối lớn. Mùa mưa, suối đầy ắp nước nhưng vẫn chảy hiền hòa.

Cá tôm say nước nhảy lia thia. Trăm hoa khoe sắc bên bờ suối. Tuyệt nhiên, suối chảy không tràn dâng như thác, xối trôi bùn đất, than tro như bây giờ. Sang đông, nước còn lai láng, tiếng reo róc rách thật vui tai. Dòng suối trong veo, trở thành vương quốc của họ hàng nhà tôm, cá, cua, ốc, ếch, ba ba, rùa vàng...

Chín con suối lớn chắn ngang đường không chảy theo một chiều. Lúc chảy về trái, lúc chảy sang phải, khiến cho du khách ngỡ có chín con suối lớn riêng biệt chảy ngang đường.

Chỉ để ý một chút, du khách khám phá ra điều thật thú vị: Bên đường từ chùa Lân vào tới dốc Hạ Kiệu (cách chùa Giải Oan chừng cây số) dòng suối nằm kê cắt ngang đường.

Mới hay chín suối chỉ chung một dòng!

Từ vạt đồi núi phía đông khu Yên Tử, một con suối ngoằn ngoèo chảy ra, đưa nguồn nước ra cánh đồng Nam Mẫu. Dòng suối Giải Oan chỉ là một nhánh thượng nguồn con suối đó. Con suối

cắt chia tuyến đường Hạ Kiệu – Nam Mẫu thành chín đoạn.

Hành hương qua chín suối, qua chín đoạn đường mới vào tới Yên Sơn, khách du liên tưởng tới câu chuyện xưa: Phải vượt chín tầng mây mới tới được Cổng Trời. Cứ sau từng đoạn, du khách lại dầm chân dưới suối. Chân nóng được dầm vào nước lạnh, có khác gì sắt nóng được tôi. Và đến khi chân cứng đá mềm, công việc trèo non sẽ nhàn du chút đỉnh!

Bởi vậy, du khách thị thành rất khoái bộ hành vào Yên Tử. Đó là cuộc thử sức đầu tiên cho chân quen đi bộ, chuẩn bị trèo non tới Cổng Trời.

Đường vào Yên Sơn đã khác xưa, song cảnh trí vẫn không hề thay đổi. Hai bên vẫn chập trùng núi biếc. Cây lá xanh hơn, phủ kín núi đồi hơn. Thi thoảng, khách du bắt gặp đóa hoa rừng e lệ núp mình trong khóm lá tơ non. Hàng đàn bướm tung bay trong nắng sớm. Có chú bay nhào vào lòng xe. Đến suối cuối cùng, du khách tới chân dốc Hạ Kiệu.

Tục truyền: Mỗi lần về thăm vua cha tu hành ở Yên Sơn, hoàng đế Trần Anh Tông lúc tới đây, xuống kiệu, đi bộ trèo núi, lên Am Ngọa Vân vấn an cha.

Việc làm trên của vua Trần Anh Tông thể hiện lòng hiếu lễ và sự trân trọng biết nhường nào trước oai linh của Danh sơn Yên Tử và với người cha – Giáo Chủ nước Đại Việt!

Xe đưa du khách vừa khỏi dốc Hạ Kiệu: Một cảnh tượng huy hoàng bỗng hiện ra trước mắt. Ngọn núi Yên Tử cao vòi vọi, mây trắng phủ đầy, núi lẫn với trời mây. Một khắc mây tan, núi trông như một chiếc đầu rồng. Có hai dãy núi bên tả và bên hữu nối tiếp với đầu rồng khá cân xứng, khác nào đôi cánh tay rồng vươn ra ôm du khách vào lòng.

Vào ngày trời quang du khách có thể trông thấp thoáng các chùa trên lưng núi. Dưới lòng thung rộng hàng ngàn mẫu, sim rừng trở hoa muôn sắc thắm, như tím thắm nhưng trái rộng đón khách về. Bốn bề núi biếc bao quanh ta. Cây

rừng phủ tầng tầng, lớp lớp. Tựa hồ muôn vạn gốc cây ở tầng trên bám rễ lên ngọn cây tầng dưới. Vài đám mây vương vạt cây rừng, giống như đám khói người Dao đang làm nương.

Ở nơi chân núi, thấp thoáng thấy bóng chùa Giải Oan. Chuông chùa ngân nga, vang vọng núi rừng. Tiếng suối rì rào, hát mãi khúc Thiền Ca bất tận.

6. NHỮNG LINH HÔN OAN KHUẤT

Rời bến xe, rẽ trái, du khách về tới Suối Giải Oan.

Suối trước có tên là Hồ Khê (Khe Hồ) và được nhắc tới trong áng thơ Huyền Quang (bản dịch thơ chữ Hán):

“Am sát trời xanh lạnh
Cửa mở trên tầng mây
Động Rỗng nắng đã rọi
Khe Hồ băng còn dày
Vụng dại không chước lạ
Già nua gậy đỡ tay
Rừng trúc nhiều chim đậu
Quá nửa bần sư này”

Từ ngày đức vua Trần về Yên Sơn tu hành rồi hiển Phật, suối được đổi tên, đi vào truyền thuyết của nhân gian:

Không muốn Vua cha vào Yên Tử, vua Anh Tông ngầm sai các cung tần mỹ nữ tìm đến đây, can ngăn, xin vua quay trở lại triều đình.

Vua Trần không nghe.

Ngài nhẹ nhàng khuyên họ: hoặc trở lại triều đình, hoặc trở về quê cũ làm ăn, hoặc ra ở làng Nương, làng Mộ.

Tự biết không can ngăn được vua là trái lệnh triều đình chỉ có con đường chết, nên các cung phi đã trẫm mình dưới nước Suối để tỏ lòng trung trinh.

Nhà vua xót thương, cho lập đàn tràng làm lễ giải oan những linh hồn cung nữ. Nơi lập đàn tràng sau dựng chùa Giải Oan, và suối Hồ Khê cũng được đổi tên thành suối Giải Oan từ thuở ấy.

Có lẽ bây giờ, trừ mùa mưa, lòng suối Giải Oan xâm xấp nước. Suối tuôn róc rách suốt đêm ngày. Đá suối “trơ gan cùng tuế nguyệt”. Du khách đặt chân mà bước qua.

Sau mỗi trận mưa, lòng suối dâng cao. Nước suối Giải Oan cuộn cuộn chảy. Nước bên bờ kia, phải mất nửa ngày mới sang được bên này.

Bởi vậy, sự tích các cung tần mỹ nữ trẫm mình dưới dòng suối nơi đây không phải là huyền hoặc.

Bờ suối hiện còn một cây đa cổ thụ. Tính tuổi có đến vài trăm năm. Người xưa liệt đa vào hàng “Tứ linh” trong các loài thảo mộc. Đa chỉ được trồng nơi thờ tự linh thiêng.

Bên bờ suối Giải Oan, chỗ đứng của đa không phải là vô cơ.

Ngày xưa, khi ngang qua đây, danh sỹ Nguyễn Thượng Hiền có thơ thương cảm trước vong hồn các cung tần mỹ nữ:

“Giải hết nỗi lòng ngay với Chúa

Oan theo dòng nước sạch cùng Vua”

Ngày nay, du khách về đây, nhớ lại tích xưa mà ngậm ngùi tưởng niệm. Sau khi thắp hương các linh hồn liệt nữ, có người òa khóc như đứa

trẻ. Có những nỗi niềm riêng ôm ấp trong lòng,
bước xuống Suối này tự tâm mình phân tỏ.

Bao nỗi ưu phiền thường nhật chợt lãng quên.
Lòng trần nhẹ bẫng. Du khách đi theo đường lát
đá, lên Chùa.

7. CHÙA GIẢI OAN

- DU SƠN TRONG MÂY NGÀN

Từ suối lên chùa non trăm mét. Du khách bắt đầu cuộc hành trình leo dốc và dừng chân trước Cổng Tam quan. Cổng này mới xây. Có câu đối do người soạn sách này cung tiến vào năm 1999 nhân dịp kỷ niệm 700 năm Vua Trần Nhân Tông về Yên Tử tu hành:

“ Thanh danh Yên Tử truyền Nam Bắc

Chính pháp Trúc Lâm trụ đất trời”.

Bên trái đường lên, một ngôi nhà lớn dựng vào cuối năm 1992, bốn mái, ngói vẩy rồng, dáng vẻ cổ kính mà hiện đại, uy nghi nổi bật giữa nền xanh của núi rừng Yên Tử. Cờ Tổ quốc, cờ lễ hội tung bay trước gió. Đó là trụ sở Ban quản lý khu di tích – thắng cảnh Yên Tử.

Nếu có thời gian, du khách vẫn thường ghé qua đây, nhấp chén trà xuân – một loại trà chế từ các vị cây thuốc ở Yên Tử, nghe nói chuyện về Danh sơn Yên Tử, về Thiền Phái Trúc Lâm, về những vấn đề liên quan đến cuộc hành hương... hoặc đến Suối Tiên tắm mát và ngắm cảnh. “Suối

Tiên” do anh em Ban quản lý khu di tích đặt tên. Nó là hạ lưu của Suối Vàng, chảy từ đỉnh núi Yên Sơn xuống.

Bằng không thì lên chùa Giải Oan, tới một ngã ba, nơi ba cây đại trồng trước ngõ, du khách rẽ theo đường bên phải.

Trước khi lên chùa, du khách dừng chân thắp hương lên sáu ngôi tháp. Đó là Tháp mộ của sáu vị Thiên Sư đạo cao đức trọng tu hành ở chùa Giải Oan trước.

Trong sáu ngôi tháp, có một ngôi còn văn bia chữ Hán là mộ của Thiên Sư Tâm Hoan Giác Linh, tịch vào ngày 14 tháng giêng, không rõ năm nào⁽¹⁾.

Thắp hương xong, du khách trèo lên chừng ba mươi bậc đá lên chùa Giải Oan.

Chùa tựa lưng vào núi. Phía trước là dòng suối Giải Oan. Vào những lúc trời tan mưa, hứng nắng, cầu vồng bảy sắc vẫn thường hiện lên ở suối này. Đứng ở sân chùa, quan sát cầu vồng thật thú vị.

⁽¹⁾ Xin đọc thêm “Danh nhân Yên Tử - NXB Văn hóa Hà Nội năm 1996.

Trước cửa chùa, người xưa trồng toàn cây ăn quả: Sung, nhãn, mít, xoài, vải, khế, cam, dứa... Bây giờ cây đã thành cổ thụ.

Cây hoa đại đứng ở giữa sân trước cửa chùa dáng đồ xiêu xiêu, gốc cây nhác trông giống như một tín đồ chấp tay quỳ lễ Phật.

Hai mùa xuân, hạ, cây đại trở bung những chùm hoa trắng ngà trên khóm lá xanh mượt. Hương hoa nồng cay, thơm dịu, thật khó quên. Sau khi dâng hiến hồn hoa cho đời, xác hoa lià cành rơi xuống đất. Sáng sớm, sân chùa rắc đầy bông hoa đại. Du khách lên chùa dạo gót trên nền hoa.

Nhà chùa thường hái hoa, phơi khô, hãm nước uống thay trà, một thứ trà riêng của Cửa Thiên Yên Tử.

Ngôi chùa xây dựng vào thời Trần, trên nền của đàn tràng giải kết những oan hồn các cung nữ. Qua nhiều lần trùng tu, ngôi chùa được tôn tạo vào thời Nguyễn, mái lợp ngói Tây. Kết cấu cột kèo kiểu chồng rường chữ “Nhị”. Cửa chính bức bàn rất sơ sài.

Quý nhất ở đây là các pho tượng. Hầu hết đều cổ xưa, nét chạm khắc rất tinh vi, sống động.

Trong các chùa tháp Yên Sơn, chưa chùa nào có số tượng mẫu thờ nhiều bằng chùa Giải Oan, ước chừng có đến hai mươi ngôi. Phải chăng, các cung tần mỹ nữ xưa kia, sau khi trầm mình, linh hồn của họ thoát siêu về Thiên cung, thoải phủ hiện thân thành Mẫu, tôn thờ ở chốn Giải Oan này?

Trong chùa, cổ vật còn có đôi câu đối, lớp son son thếp vàng đã phai, nhưng nét chữ vẫn còn khá rõ. Câu đối này đã được các Phật tử ở Kiến An dâng cúng chùa vào thời Khải Định, nói về nghĩa lý cao siêu của việc tu hành.

“Việt tam giới thả lục thông nguy nga Giác Phụ

Tiếp tứ dân siêu cứu hữu đấng lãng Hùng Sư”

Tạm dịch:

“Vượt ba giới⁽¹⁾ có lục thông⁽²⁾ rạng rỡ Giác phụ⁽³⁾

Tiếp tứ sinh⁽⁴⁾ vượt cứu hữu sán lạn Hùng Sư⁽⁵⁾

⁽¹⁾ Ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới

⁽²⁾ Lục thông: Sáu phép thần thông: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, lậu tận thông, xá mệnh thông.

⁽³⁾ -⁽⁵⁾ Giác phụ: Hùng sư đều là tên của nhà Phật.

Câu đối thứ hai là một lời khuyến giáo các tín đồ, Phật Tử:

“Phàm năng chứng thánh tu dương lập chí siêu phàm

Phật nguyện độ chúng sinh cần kiên tâm niệm Phật”

Tạm dịch:

“Phàm muốn chứng là thánh phải lập chí siêu phàm

Phật nguyện độ chúng sinh cần kiên tâm niệm Phật”

Năm 1994, một phật tử cúng vào chùa câu đối ca ngợi cảnh chùa này”:

“Thiên tải họa đồ sơn trung sắc

Tứ thời tụng niệm diệu trung thanh”

Tạm dịch:

“Ngàn đời vẽ hoa sắc màu nơi núi rừng

Bốn mùa tụng niệm trong thanh của tiếng chim”

Chùa Giải Oan vốn linh thiêng có tiếng.

⁽⁴⁾ *Tứ sinh: 1- thai sinh, 2 – noãn sinh, 3- thấp sinh, 4- hóa sinh của giống hữu tình.*

Ngày xưa, danh sỹ Ngô Thời Nhiệm về chùa Giải Oan, thấy bóng vua Trần thường hiển hiện ở cây sung trước cửa: Thoắt chốc, Điều Ngự⁽¹⁾ hóa thân thành vô số hoa sung. Hoa sung khi có gió thì nở, lúc mưa thì rụng. Một đàn chim xanh từ đâu bay tới, ngậm hoa rồi biến mất. Lát sau, bầy chim lại hiện ra. Lông chim bám đầy hoa Sung, rồi biến thành hoa Sung. Ngô Thời Nhiệm liền đọc thơ rằng:

“Điều thân phi điều

Hoa hồn phi hoa

Hoành chỉ thiên tha

Ngũ nại ngũ hà”

(Dịch nghĩa: Thân chim chẳng phải chim. Hồn hoa chẳng phải hoa. Đứng đi là bởi nó. Nào có làm được gì).

Sư chùa ngày nay kể cho du khách một chuyện rất kỳ lạ:

“Ngày hôm sau, ở chùa Giải Oan có một việc đại sự, sư cần dậy sớm để lo việc. Đáng tiếc đêm đó, vì phải lo công việc cho ngày mai, nhà sư

⁽¹⁾ Pháp danh của Vua Trần Nhân Tông

không ngủ được, gần sáng mới thiếp đi. Đang ngủ say giấc, sư bỗng giật mình:

Bên ngoài, có người đang đập cửa. Nhà sư tỉnh hẳn, nằm trong giường lắng nghe. Có một “ông chim” bay xà xuống, vừa dùng cánh đập cửa, vừa kêu “Cọt, cọt”, vừa lấy mỏ mổ mạnh vào cánh cửa. Nhà sư nói to: “Dạ con biết rồi, con dậy rồi đây ạ”. “Ông” chim kêu “Cọt cọt” vài tiếng về hài lòng rồi vỗ cánh bay đi. Đồng hồ đổ chuông năm tiếng, vừa đúng giờ sư định thức giấc. Sư ra mở cửa. Quanh chùa vắng lặng. Chân trời đang đông đã ửng hồng. Sư bắt tay ngay vào công việc.

Câu chuyện trên đây thật dị thường!

Còn bao chuyện khác kỳ dị mà có thật, vẫn còn ẩn chứa dưới những mái chùa cổ kính kia.

Cách đây vài năm, nhà thờ tổ tiên bên cạnh chùa Giải Oan xiêu vẹo, chấp vá. Nhà chùa coi thêm hai gian nối tiếp cho khách nghỉ. Mái giột, nhà xiêu rất thảm thương. Nghĩ cảnh nhà sư tu tập chốn rừng xanh không có chỗ nương thân, Ban quản lý Yên Tử xây dựng ngôi nhà Ni, giúp sư an trụ để tu hành.

Năm 1994, ni sư Chân Đức – Một Việt Kiều ở Canada đã hồi hướng công đức một phần, xây chùa mới Giải Oan Ông Nguyễn Văn Nghinh – thân nhân của ni Sư đã phối hợp với Ban Quản lý Yên Tử và Sư cô Diệu Như hưng công xây dựng. Chùa dựng trên nền nhà thờ Tổ. Ngôi chùa xây xong phần móng, dựa cột, xà. Phần còn lại được địa phương và nhà chùa Giải Oan lo hoàn thiện. Chùa Giải Oan mới bao gồm năm gian và hậu cung. Cánh cửa bức bàn trạm khắc rất công phu theo mô típ “Tứ bình” “Tứ quý”. Chùa bốn mái cong, lợp bằng ngói mũi hài, do các Phật tử ở Hải Dương công đức.

Sau khi chùa mới được hoàn thành, chùa cũ trở thành Nhà thờ Mẫu. Nhà Mẫu được xây dựng lại cuối năm 2003.

Ở vào vị trí cửa ngõ trung tâm khu di tích, bên cạnh trụ sở Ban quản lý Yên Tử, mặc nhiên, Chùa Giải Oan trở thành một ngôi chùa đại diện cho tất cả các chùa trên toàn tuyến di tích.

Trước đây, khi chưa có Cáp treo Yên Tử, nhiều du khách chỉ vào lễ chùa Giải Oan rồi trở ra, và theo họ vào đến Giải Oan cũng được coi là vào Yên Tử.

Hầu hết các đoàn khách quý của Trung ương và các tỉnh bạn, các bậc tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức, tăng ni, Phật tử, các hàng cư sĩ, các bậc thiện tri thức trong và ngoài nước khi về Yên Tử, đều vào chiêm bái cảnh chùa này.

Từ sau Hội Xuân năm 2001, Công ty Cổ phần Phát triển Tùng Lâm đã đầu tư xây dựng hệ thống Cáp treo Yên Tử. Phía trái chùa Giải Oan có đường dẫn tới Ga Cáp treo, độ dài đoạn đường hơn trăm mét, với một nhịp cầu bắc qua dòng Suối Tiên, cảnh trí nên thơ và quyến khách.

Mỗi một ca-bin của Cáp treo chở sáu người.

Đi từ Ga dưới lên Ga trên phía Tây chùa Hoa Yên, thời gian mất chừng năm, bảy phút. Phía dưới, bên ta là thảm cây rừng, muôn màu khoe sắc tựa gấm hoa. Ngồi trong ca-bin Cáp treo lên Hoa Yên, khách du tận hưởng cái cảm giác không dễ hồ quên được. Vào dịp Hội Xuân, Nhà ga Cáp treo tổ chức các hoạt động nghệ thuật truyền thống rất hấp dẫn, sinh động. Hàng vạn lượt du khách thượng sơn lên chùa Đông trong ngày nhờ bởi hệ thống Cáp treo này.

8. ĐỐC HÀ NỘI

CUỘC DU NGOẠN TRONG RỪNG

Rời chùa Giải Oan, du khách lên chùa Hoa Yên có hai đường: Đường hành hương đi bộ và đường lên bằng cáp treo. Rẽ phải lên núi là đường hành hương đi bộ. Chặng đầu vượt dốc chừng trăm mét, bậc đá xếp cao, hơi khó đi. Con dốc có tên: Dốc Hà Nội. Dốc còn có tên: Dốc Thử Thách, như thể thử sức đôi chân bao Phật tử đạo tâm về Cõi Phật hàng năm.

Hơn mười năm trước, đường lên Hoa Yên đi về phía phải, qua lối nhà Ni, nhà bếp Chùa Giải Oan hiện giờ. Đường này tuy ngắn nhưng dốc đứng. Sau mỗi trận mưa, du khách lên, xuống khá vất vả. Bộ đội thông tin thường qua lại đường này.

Trước ngày ra quân, mấy chiến sỹ thông tin người Hà Nội đóng quân ở gần đó đã lên chùa bàn với Sư Bác Dung tu ở chùa Giải Oan mở một con đường mới sau chùa và xin nhập làm đường để công đức.

Đoạn đường mới xa hơn, nhưng thoải thoải, dễ bước. Dân bản đặt tên “Đốc Hà Nội” để ghi nhớ công đức những người con của Thủ đô yêu dấu, đã góp sức của mình làm đẹp cho Yên Tử thiêng liêng.

Lên một đoạn dốc, du khách có cảm giác thấm mệt. Tim đập nhanh, mồ hôi vã lã chã. Có người e ngại không muốn bước. Điều này dễ hiểu: Từ đi đường bằng, chuyển sang leo dốc, cơ thể chưa thích ứng kịp thời. Cứ kiên tâm vững bước, tới đoạn đường bằng nơi đỉnh dốc, cái mệt sẽ tiêu tan tức thì.

Cuối năm 1992, đường đất Giải Oan – Hoa Yên dài 1650 mét đã được kè đá ở những nơi trơn, dốc. Đến năm 2000 thì kè đá toàn bộ.

Từ dốc Hà Nội, du khách hành hương trong rừng già. Rừng tạo thành hành lang. Rừng mở đường lên cõi Phật. Hai bên đường, cây rừng mọc san sát. Lá rừng tầng nọ gối tầng kia, khép tán. Đang trưa không nhìn thấy mặt trời. Nón mũ mang theo thêm vướng bận. Trời mưa lâm thâm,

dưới tán cây rừng, du khách yên lòng du ngoạn khỏi lo ướt.

Ngày hội, rừng già mến khách, ôm vào lòng cơ man nào là khách. Cửa ngõ Giải Oan chỉ thấy người vào, ra. Dòng người lên núi, sau vài phút đã biến hút vào rừng. Cây rừng rợp rợp, làm khuất đi những cánh áo muôn màu của khách thập phương đi trải hội.

Đường lên Yên Tử, người người chen chân. Người xuống nhường bước người đi lên. Kẻ gồng, người gánh thật tấp nập. Chẳng nề quen lạ, già, trẻ, gái, trai... chỉ chung một câu chào “Mô Phật”⁽¹⁾, chỉ chung một nụ cười vô tư lự và gương mặt rạng rỡ như trăng rằm. Có tốp vừa đi vừa ca hát. Ríu rít trên cây, chim non đang chuyển cành. Văng vẳng gà rừng chiêm chiêm kêu gọi mẹ. Vài chú Sóc leo lên cây sột soạt, mắt lồi ra, nhong nhóng ngó nghiêng. Tiếng suối rì rào ở đâu đây.

⁽¹⁾ Nói tắt cho câu “Nam mô A di đà Phật”

Nam mô có nghĩa là quy y, hướng về, quy mệnh đối với Phật.

Chuông chùa ngân nga... thành một bản hợp ca nhiều cung bậc.

Rừng xanh đâu chỉ một màu xanh.

Trên màu xanh vô tận của rừng, khóm lá non màu xanh non dịu nhạt. Nõn lá màu tím tím. Lá già chuyển sang màu vàng. Lá khô đỏ. Lá mục màu nâu sẫm. Cành cây trắng mốc. Gốc già sần sùi màu nâu non.

Bên đường, lác đác bông mẫu đơn đỏ rực như đóa lửa. Hoa dẻ nâu tươi. Hoa trứng gà trắng muốt. Hoa Mai vàng xộm, hòa với sắc bướm màu vàng tươi, trắng đỏ... rập rờn bay đậu trên áo hoa cô thôn nữ. Hương hoa ngan ngát, quyện với hương nồng cây, lá mục.

Cái mệt tiêu tan. Vài mươi phút đã lên tới đường Tùng. Hiếm thấy nơi nào có Tùng như Yên Tử.

Nghe nói ngày xưa: Vua Trần được ngài Giáo Chủ Phật Giáo ở Ấn Độ tặng cho giống Tùng này. Vua trồng hai bên vệ đường đi.

Tính cả đường sang Thác Ngự Dội, Am Dược, Am Hoa, lên Vân Tiêu, Bảo Sái thì Tùng Yên Tử nay còn 274 cây. Các nhà khoa học chia Tùng thành ba loại: Thanh Tùng, Xích Tùng và Thủy Tùng.

Mưa ngàn gió núi vụn ngã mấy cây Tùng cổ thụ. Thật đau xót! Bất gặp cây tùng đầu tiên nằm ở vệ đường phía bên phải, du khách ngạc nhiên. Cây Tùng, cây Đa ôm lấy nhau quấn quýt, nương tựa, chở che, tin cậy lẫn nhau như một biểu tượng thiêng liêng tình chung thủy.

Dừng chân tạm nghỉ dưới bóng Tùng, hứng gió lùa mát rượi, du khách lắng nghe ông hàng nước kể chuyện:

“Có hai cậu thanh niên vác dao đi vào rừng, tìm lấy cây cảnh để bán cho khách Hội. Đi đến đường Tùng, cả hai ngửa tay, vung dao bằm vào gốc Tùng. Tối mịt, mò về, một cậu bị ngã, nửa nhọn đâm vào bụng, một cậu thì dao chém vào tay...”

Đi giữa hai hàng Tùng cổ kính, du khách bồi hồi nhớ đến đức Vua Cha trước khi ra đi, vẫn để lại cho đời sau bóng mát.

Đôi hàng Tùng – hai hàng quân danh dự –
đứng uy nghi chào đón khách về Chùa. Rễ Tùng
như những cánh tay vươn ra nâng bước chân du
khách.

Phía trên triền núi, thấp thoáng tung bay cờ
ngũ sắc. Sắp lên đến chùa Hoa Yên rồi!

9. VIÊN NGỌC MÁT RỒNG

Ở cuối rặng Tùng, về phía trái, có một lối mòn rẽ sang gò đất cao. Gò đất tròn đầy như mâm xôi, cao gần ba mét, bên trên có Tùng và có Tháp, được gọi là Hòn Ngọc.

Tục truyền: “Ngày xưa, Đạo sỹ An Kỳ Sinh về núi hái thuốc luyện Linh Đan. Khi ngang qua đây, ông giật mình sửng sốt, bởi nhận ra triền núi cao trước mặt giống hệt như mặt con Rồng, có trán, mắt, mũi, miệng Rồng đủ cả. Miệng Rồng phát ra thứ ánh sáng kỳ lạ. Bằng con mắt pháp thuật, ông nhận ra đó là viên Ngọc Rồng, do tinh khí của đất trời tạo nên. Ông ta biết vậy, lặng lẽ lên đỉnh núi.

Vài ngày sau, ông ta xuống núi, đến chỗ viên ngọc Rồng bữa trước. Một cảnh tượng dị thường đang diễn ra trước mắt: Vạt đất chuyển rung. Một gò đất mới được tạo ra – viên ngọc trong miệng Rồng đã nhả. Khí thiêng phun ra, tỏa mù mịt.

Vì quá kinh hoàng trước cảnh đó, An Kỳ Sinh vội vã chạy lên núi. Chưa kịp lên tới đỉnh, ông ta chết đứng và hóa đá.

Gò đất mới sinh là Hòn Ngọc.

Thực ra, Hòn Ngọc chỉ là đỉnh chóp của ngọn núi thấp hơn du khách vừa trèo qua. Khi vượt đỉnh núi, ta thường quên cái lớn lao của núi. Nhìn Hòn Ngọc, khác nào gò đống ở đồng bằng.

Hòn Ngọc xưa kia rộng rãi cao lớn hơn bây giờ. Hơn hai mươi năm trước, đơn vị địa chất đã mở một con đường cho xe leo núi lên Hòn Ngọc. Họ dùng xe gạt bạt một phần Hòn Ngọc làm đồ tùng, xiêu thấp.

Trong tám ngôi tháp còn lưu tích, vẫn có ba ngôi khá nguyên vẹn. Đó là mộ của Thiền Sư Giác Liễu, Diệu Tường, Thích An An tu ở Hoa Yên vào thời Lê Cảnh Hưng⁽¹⁾.

Sau khi thắp hương tưởng niệm Thiền nhân trong bóng tháp, du khách vượt qua dốc Voi Quỳ, lên vườn tháp Huệ Quang trước cửa chùa Hoa Yên. Giữa vườn là tháp Tổ. Vườn tháp cũng là một đỉnh núi kế tiếp, cao hơn đỉnh Hòn Ngọc một chút.

⁽¹⁾ Xin đọc thêm "Danh Nhân Yên Tử" trang 86 - NXB Văn hóa Thông tin

Trên này toàn là gió. Gió mát tiêu tan cái mệt và cơn khát. Gió lau mồ hôi lã chã trên má khách. Du khách thấp hương phải dùng nón mà che.

Hãy vào Lăng Quy Đức.

Lăng quây bốn mặt thành vuông vức, bao quanh ngôi tháp cổ. Đây là Lăng mộ của Vua Trần Nhân Tông. Mái tường lăng lợp bằng ngói mũi hài, đổ về hai phía, dáng cong theo dáng mái chùa. Hai cửa trước, sau, cuốn vòm không cao lắm. Du khách vào, ra phải cúi đầu khiêm cung. Tường Lăng xây bằng gạch thời Trần. Các nhà trùng tu thời nay trát bao ngoài một lớp vữa xi măng để bảo vệ, không để phô ra cái hiện vật biểu trưng cho kỹ nghệ thời Trần.

Có người cho rằng: Nền Lăng Quý Đức chính là nền của Am Ngọa Vân, nơi vua Trần tu hành và viên tịch ở Yên Sơn.

Nền ngôi tháp Tổ hình lục lăng, gồm các tảng đá to ghép lại với nhau bằng phương pháp đồ chì mộng cá – một cách ghép mộng ta thường gặp trong các kiến trúc cổ. Mặt ngoài các tảng đá chạm nổi hoa văn sóng nước hình quả núi, đường

nét cách điệu uốn lượn rất tinh tế. Từ nền tháp lên, Tháp được xây theo hình tứ trụ thu nhỏ dần. Càng lên cao càng thắt lại. Đỉnh Tháp tạc nụ sen chưa nở.

Bệ Tháp tạo nên bởi hàng chục phiến đá xanh ghép lại. Đài sen gồm 102 cánh mở rộng ôm lấy thân Tháp ở phần trên.

Tầng đầu mở cửa hướng chính nam, bên trong thờ tượng Trần Nhân Tông ngồi thiền ở thế liên hoa, vẻ mặt dung dị, cảm thông, thanh cao và trí tuệ. Cả pho tượng thờ cùng Lăng Tháp được tạo dựng sau một năm Vua Trần nhập diệt cõi Niết bàn, tức vào năm 1309⁽¹⁾.

Trải qua binh lửa nạn ngoại xâm, Tháp Tổ bị phá, dân ta xây dựng lại. Pho tượng thiêng vẫn được bảo toàn. Thi thoảng vẫn thấy xuất hiện cặp rắn đen nằm chầu bên tượng Tổ trong tháp. Trông thấy bóng người, rắn thu mình ẩn núp vào trong.

Trước ngôi Tháp Tổ là cây hương đá, được các Phật tử huyện Kim Môn, phủ Nam Sách thời nhà Lê tiến cúng.

⁽¹⁾ Xin đọc thêm "Danh nhân Yên Tử" trang 86 NXB Văn hóa Thông tin.

Quang Lăng, sáu mươi hai ngôi Tháp hiện tồn trên vườn Tháp. Nhiều ngôi đã mờ dấu tích, chờ trùng tu. Mỗi tháp mang một dáng vẻ riêng, được cất lên bằng đá. Các viên đá được đục đẽo cẩn trọng, vuông vức... cho phép ta ngỡ rằng: Chúng được đục đẽo từ nơi khác, chuyển lên đây ghép lại.

Hiếm có nơi nào trên đất nước ta lại có vườn Tháp mộ thờ các nhà Sư sầm uất thế!

Ngoài Lăng Quy Đức thuộc thời Trần, các Tháp còn lại vào thời Lê.

Tháp Ân Hiếu thờ Thiên Sư Tuệ Giác, húy ngày 5 tháng 6 năm Kỷ Dậu (?)

Tháp Diệu Đăng thờ sư Bà Diệu Đăng, tên là Phạm Thị Ngọc Khoa, vốn là một nội thị cung tần phủ chúa Trịnh xuất gia, tịch vào tháng tám năm Ất Sửu.

Tháp Hoa Quang thờ Thiên Sư Tính Hải, tên là Hoàng Cấp, viên tịch tháng 12 năm Tân Mão (1771).

Tháp Chân Thường thờ Thiên Sư Giác Viên Tuệ Hỷ, viên tịch vào năm 1739.

Tháp Tôn Đức thờ Thiên Sư Minh Hành Tại Tại, người ở phủ Kiến Xương, tỉnh Giang Tây (Trung Quốc), viên tịch năm 1659.

Tháp Bảo Quang, Hiếu Ân, Trường Quang và vô số Tháp khác vẫn còn niêm giữ tại vườn này.

Trong Tháp Tôn Đức, pho tượng đá trắng tạc chân dung Thiên Sư dáng vẻ uy nghi, đôn hậu, giản dị mà thanh thoát. Các bức phù điêu tạc vào đá ở các Tháp Diệu Đăng và một vài Tháp khác có giá trị nghệ thuật cao.

Sau Lăng, hàng gạch hoa cúc thời Trần trải ra như bức thảm, trân trọng đón du khách lên Chùa.

Bốn cây Đại cổ, thân dáng hình rồng đứng nép sau tường Lăng Quy Đức, lá rủ vào sân Lăng. Cành đại trở đầy hoa. Hương hoa thơm ngào ngạt. Cánh hoa rắc vàng sân Mộ Tổ.

Trong vườn, hàng tùng vươn cánh lá xanh non, chở che mưa nắng cho các Tháp.

Phía trái đường gạch Hoa Cúc, một chiếc hồ tròn sóng sánh nước. Hồ nước là mắt Rồng, ngày xưa Tam Tổ trồng hoa sen.

Bên phải đường Hoa Cúc, trước đây có một hố đất trông hoang dã. Một cây độc mọc trên hõm đất ấy. Đó là một bên mắt Rồng đã bị đao tặc xưa phá hỏng.

Già bản kể:

“Ngày xưa, giặc phương Bắc sang xâm lược nước ta. Chúng đem theo cả phù thủy, thầy địa lý sang ta, tìm các huyết đạo của núi sông nước Việt để yểm bùa trị huyết. Chúng mưu toan làm nước nhà tuyệt diệu hết nhân tài, hồn thiêng sông núi tiêu tan, để yên bề đô hộ dân Đại Việt.

Chúng biết Yên Sơn là Linh địa (Đất thiêng) nên tìm mọi cách chọc mù mắt Rồng: Phá bung bức bờ bao lòng hồ, yểm bùa và trồng cây độc ở ngay chính giữa mắt trái Rồng.

Giờ đây mắt Rồng chỉ còn một bên phải”.

Mùa thu năm 1998, ni Diệu Nhân phụng Đạo chùa Hoa Yên đã tiến hành khôi phục lại Mắt Rồng.

Vài năm trước, khu vườn Tháp ngập tràn cỏ tranh. Ngày nay trong Lăng và sân Lăng được lát đá sạch sẽ.

Vào ngày nóng bức, hay nhà khách ở Chùa trên chật chội, du khách xuống đây, sám hối, ngả lưng trên nền sân Tháp Tổ, hưởng giấc hòe giữa không gian chơi vơi.

Những đêm trăng sáng, bên tháp ngắm trăng thật thú vị. Trăng treo trên cành Tùng. Trăng rắc vàng trên cánh hoa Đại sức nức hương và dính hạt sương đêm. Trăng gắn vào đỉnh Tháp. Mỗi bước trăng trôi, cảnh vật nơi đây lung linh, huyền ảo.

Bóng Tháp khi mờ, khi tỏ, trở thành hình bóng các nhà Sư quây quần quanh Tháp Tổ tọa thiền.

Ban ngày, ngồi trên bậc đá trước sân Lăng Tháp Tổ, du khách say sưa chiêm ngưỡng khung cảnh sườn nam núi Yên Tử.

Sau buổi chia tay cô hàng nước bên vườn Tháp Huệ Quang, câu chuyện của cô ám ảnh hoài:

“Năm trước, một đội xây dựng làm nhà khách Yên Tử. Việc xong, cả đội đi lễ lên Chùa Đồng. Khi ngang qua Tháp Tổ, thấy một hòn đá đặt lên trên ngọn của một ngôi Tháp đổ, hai cậu thợ trẻ liền đố nhau: Ai ném trúng hòn đá là “tài” (!)

Một cậu vung tay. Hòn đá văng xuống đất.

Lên tới Chùa Đồng, cả đội mới phát hiện ra còn thiếu mất một người. Nhưng không ai lo, vì toàn người địa phương Ưông Bí cả.

Sau mấy tiếng đồng hồ, xuống núi, trở về Tháp Tổ, cả đội ngạc nhiên: Cậu ném đá kia đang ngồi xếp bằng tròn bên tường Lãng, mặt áp vào tường, hai tay đặt lên đùi, hời hợt nói, gọi chẳng thưa, bắm vai lắc mồm mà không tỉnh, ngồi im bất động như khúc gỗ.

Một cậu vội vã lên Chùa Hoa Yên thỉnh Sư xuống làm lễ sám hối. Một lát sau, cậu thợ trẻ nghịch dại kia mới tỉnh, khóc nức nở, rồi lặng lẽ theo anh em xuống núi”.

Không phải bây giờ khu Vườn Tháp Tổ mới linh thiêng!

10. CHÙA CHÍNH HOA YÊN

MỘT DANH LAM CỔ TỰ

Rời vườn Tháp Tổ, qua dốc Dây Diều, du khách lên tới Chùa Hoa Yên.

Chùa ở độ cao gần 534 mét so với mực nước biển, tọa lạc trên triền núi dô ra tựa trán Rồng.

Ngày xưa, Hoa Yên có tên là Vân Yên, Chùa Chính, Chùa Cả, Chùa Yên Tử... Quy mô Chùa rộng lớn: Ngoài ngôi thờ Tam Bảo, hai bên tả hữu còn lầu trống, lầu chuông, nhà dưỡng Tăng, giảng Đạo, viện Phù Đồ... sơn son thiếp vàng thật rực rỡ.

Vua Lê Thánh Tông⁽¹⁾ lên vãng cảnh chùa, thấy cảnh trí nơi đây tuyệt đẹp: Trăm hoa đua nở, mây kết thành hoa giăng trước cửa.. bèn đổi tên Chùa thành Hoa Yên.

Vào thời Vua Trần còn tại thế, Chùa Hoa Yên chỉ là Am thất nhỏ dựng sơ sài, lợp bằng lá cây

⁽¹⁾ Lê Thánh Tông (1422-1497) tên là Tư Thành, làm vua 38 năm (1460-1497) có công mở mang nền văn hóa nước nhà.

rừng. Vua Trần thường mở các lớp giảng truyền yếu chỉ thiên tông cho các đệ tử Pháp Loa, Huyền Quang, Bảo Sái, Bảo Phác, Pháp Không và các đệ tử khác ở đây.

Chỉ sau khi đức Vua Trần viên tịch, sang thời Pháp Loa, thì Chùa Hoa Yên mới được dựng nguy nga:

“Tháp biếc trăm tầng cao ngất ngất

Lầu son mấy nóc rộng thênh thênh”

Chùa Hoa Yên trở thành một trung tâm Phật giáo của Đại Việt. Hàng năm, cứ vào dịp an cư kết hạ⁽¹⁾ là tăng ni trong cả nước lại về đây, nghe Tổ Trúc Lâm truyền giảng pháp. Họ coi được về Đất Tổ là một vinh hạnh lớn, nên mới có câu:

Trăm năm tích đức tu hành

Chưa về Yên Tử chưa thành quả tu”

Nhà Sư – nhà thơ lớn Huyền Quang có nhiều áng thơ hay được sáng tác ở đây. Câu chuyện oan

⁽¹⁾ An cư kết hạ: Hàng năm, vào mùa hạ (từ 15/4 âm lịch đến rằm tháng 7) các nhà tu hành thường hội tụ về Sơn môn học tập, kiểm thảo, tu dưỡng để tinh tiến.

tình với nàng Điểm Bích cũng xảy ra ở chốn Hoa Yên này. Trong bài thơ vịnh Chùa Hoa Yên viết bằng chữ Nôm rất nổi tiếng của ông có đoạn:

“Cảnh tốt hòa lành
Đồ tựa vẽ tranh
Chỉ thấy trời thiêng mở khéo
Nhèn kia Vua Bụt tu hành
Hồ sen trưng tán lục
Suối trúc bím đàn tranh
Ngự sử mai hai hàng châu rập
Trượng phu từng mấy chạnh phò oanh...
... Vượn bông con tựa cửa nghe kinh
Nương am vắng, Bụt hiện từ bi, gió hiu hiu,
mây nhè nhẹ
Kê song thưa, thầy ngồi thiền định, trăng
vàng vạc, núi xanh xanh”

Bấy trăm năm qua, Chùa Hoa Yên đã bao lần được các Hoàng Đế, Vương hầu, các danh nhân... trong nước về thăm. Họ lưu bút, đề thơ, trồng cây lưu niệm trước sân Chùa...

Sau khi nhận chỗ nghỉ qua đêm và trút bỏ hành trang nơi khách trọ ở về phía Đông chùa Hoa Yên, du khách dạo chơi vãng cảnh chùa.

Chùa vừa được hạ giải vào tháng 7 năm 2002 có kiến trúc kiểu chữ “Đình”, năm gian tiền đường và hậu cung xây dựng vào thời Nguyễn.

Ngôi chùa thời Trần xưa không còn, chỉ để lại vài hòn đá xanh kê chân tảng cột chùa rất lớn, mách bảo cho ta kiến trúc to rộng của Chùa xưa.

Mấy mươi năm trước, Hòa thượng Tố Liên đã về đây, đứng dịp sửa Chùa. Hòa thượng soạn nhiều câu đối cho thợ viết trên nền vữa xi măng. Trong đó có câu ngợi ca thời Trần, Đạo Phật và đất nước:

“Đất Bắc phồn vinh sùng Đạo Phật

Nước Nam oanh liệt có Đồi Trần”;

ca ngợi công đức của Vua Trần Nhân Tông, một hoàng đế – giáo chủ của Đại Việt:

“Dạy dân tu thuyền giáo, yêu Đạo, yêu Đồi

Đẹp giặc độ chúng sinh, làm Vua, làm Phật”.

Vào năm Minh Mệnh thứ 14 (?), mười năm vị tăng ni tu ở Chùa Quỳnh Lâm cùng với ba mươi tín đồ Phật giáo ở Hà Nội đã công đức Chuông Chùa Hoa Yên. Sau khi đúc xong, đoàn công đức

đã nhờ Ngài Diên Chính Nguyễn Siêu Phàm soạn bài minh khắc lên chuông:

(Dịch nghĩa từ chữ Hán):

“Từng nghe: Tiếng chuông khánh có ích lợi làm tỉnh giấc mê. Tiếng chuông giống giả ngân lên vang vọng chốn xa xăm, ấy là tiếng thanh đại pháp nơi cửa Thiên.

Chùa ở núi này, từ ngày Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông nhường ngôi Vua đi tu hành đạo, đến nay lửa Thiên truyền còn lưu rục rở, vẫn là Chùa núi nổi tiếng vào bậc nhất của nước Việt.

Chùa đã có thời gặp kiếp bụi trần, chìm trong âm thanh dữ dội.

Nay các bậc thiện nam tín nữ ở tỉnh Hà Nội đã phát tâm rộng rãi, hoan hỷ quyên góp tài sản, đúc một quả chuông tiến cúng, lại khắc tô tượng bảy mươi năm tòa, tu chỉnh sửa sang hành lang và tòa cửu phẩm chùa Quỳnh Lâm. Đến nay đã hoàn hảo, tìm đến ta nhờ làm văn ca tụng.

Ta thường tâm niệm: Làm nhiều điều thiện thì âm dương báo ứng, điều lành dài lâu. Ngẫm các thí chủ đồng tâm đem của cải làm việc phúc,

phúc đấng hà sa, vui vẻ mãi truyền vào hậu thế, sao lại không phải là điều thiện? Do vậy mà khắc vào chuông này”.

Bồn hoa trước sân Chùa Hoa Yên, dưới gốc cây đào đang trở nụ, có hai Bia đá còn lưu lại. Cả hai hình tứ trụ đặt trên hai phiến đá chân đế. Nét khắc chữ Hán còn khá rõ.

Mặt Bia đề: “Hoa Yên Tự Bi” (Bia Chùa Hoa Yên) chữ Hán kín bốn mặt: Mặt thứ nhất và mặt thứ hai ghi chép sự việc một cung phi triều Lê tên là Nguyễn Thị Ngọc Lạo, sau nhiều năm hầu hạ Chúa Trịnh đã rời bỏ cảnh “Êm đềm trướng rủ màn che” xuất gia quy y Phật ở Chùa Hoa Yên. Bia khắc vào năm 1653.

Mặt thứ ba ghi lại chuyện một thi nội cung tần Vương triều Lê là Công chúa Minh Châu đã công đức lớn về Yên Tử, cứu giúp dân nghèo ở Nam Mẫu, Trung Lương⁽¹⁾. Bia khắc vào năm 1678.

⁽¹⁾ Xã Thượng Yên Công (Uông Bi) và xã Tràng Lương (Đông Triều).

Mặt bia thứ tư ghi chép việc Công Tử Trịnh Sài chẳng ham danh lợi, bon chen nơi điện các, chỉ năng làm công đức vào Chùa và cứu trợ dân nghèo ở vùng núi Yên Tử. Văn Bia khắc vào sau năm Canh Dần (1650).

Bia đá thứ hai nét khắc chữ mờ, nhiều chữ nay mờ hẳn. Tuy vậy du khách vẫn còn nhận ra đó là văn bia ghi lại việc dựng Tháp Tôn Đức trong vườn Tháp Huệ Quang để thờ Thiên Sư Minh Hành Tại Tại. Văn Bia ghi hành trạng của nhà sư Minh Hành từ Giang Tây (Trung Quốc) vượt bể sang Đại Việt tu hành và đắc Đạo. Văn bia liệt kê danh sách các Phật tử hảo tâm công đức xây dựng ngôi Tháp. Trong đó, có cả Phật tử chính cung Hoàng Thái Hậu Trịnh Đức Chủ Kim Cương và nhiều Khanh, Tướng, Công, Hầu khác thời đó.

Phần trên tróc của Tháp Tôn Đức bị vỡ, thân bia rạn nứt. Sư Chùa Hoa Yên kể lại: Năm 1979, khi ta và nước bạn Trung Quốc đang xảy ra chiến sự ở biên giới phía Bắc, thì Bia Tôn Đức Tháp bị sét đánh vỡ đầu (!). Một sự trùng hợp thật ngẫu nhiên! Đâu phải cảm giận thời nay lại đem trút lên đầu người thời xưa?

Phía đông sân Chùa còn một bia đá hình trụ vòm. Mặt trước bia trạm phù điêu hình ba vị ni sư tọa thiền theo thế chân vạc. Có người gọi là “Bia Tam Tổ” (?); Phía trước hai con nghê đá châu hai bên. Cả bia và nghê tạo thành chiếc ngai đặt bát hương ở giữa. Mặt sau khắc bằng chữ Hán còn rõ nét.

Đó là bia Hậu Phật, khắc ghi công đức của bà Vũ Thị Phương hiệu Diệu Trinh, người ở Phú Phụng Thiên (Hà Nội) đã có công đem tiền cứu giúp cho dân nghèo vùng Yên Tử⁽¹⁾. Dân trong các xã tôn Bà vào ngôi Nhân thần Hậu Phật. Văn bia khắc vào đầu xuân năm Quý Mão, niên hiệu Bảo Thái năm thứ 4 của Triều Lê (1723)⁽²⁾.

Sau Chùa Hoa Yên, trên vườn Tháp, giáp đường sang chùa Một Mái, hai bên đường dốc Dây Diều trước cửa chùa, có rất nhiều Tháp đá. Một số nay chỉ còn phế tích. Một số còn bia đá khắc chữ

⁽¹⁾ Vùng Yên Tử thời trước được tính từ Chùa Quỳnh Lâm vào Yên Tử ngày nay.

⁽²⁾ Xin đọc thêm: “Danh Nhân Yên Tử” – NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội năm 1996 – trang 82.

Hán giúp ta biết được mộ thờ của từng vị thiền sư như: Tháp Độ Nhân thờ thiền sư Tuệ Xuân viên tịch vào năm 1738. Tháp Hương Hà thờ Thiền Sư Thanh Toán, tịch ngày 07 tháng 5 năm Quý Hợi. Tháp Tĩnh Tuệ thờ Thiền Sư Chiếu Kiêm, tịch ngày 12 tháng 9 năm Bính Tuất. Tháp Yên Đàm thờ nhà sư Đàm Tuy, tại thế 65 năm, tịch ngày 25 tháng 8 năm Canh Tý...

Ngoài các ngôi tượng, bia, tháp, mộ, ở Chùa Hoa Yên còn lưu lại rất nhiều di vật cổ: Những viên gạch hoa Cúc thời Trần cỡ lớn. Những bức phù điêu trạm trên đá hình sư tử. Những lọ độc bình sành sứ..., lưu lại dấu ấn vàng son của một thời đã qua.

Ấn tượng nhất vẫn là ba gốc Đại. Cây Đại bảy trăm tuổi, gốc to lớn, sần sùi, cành đan vào nhau khỏe khắn, tán lá xum xuê nở bung những chùm hoa trắng ngà.

Du khách lấy Đại làm nền phong chụp ảnh. Chưa có tấm hình bên gốc Đại chưa phải đi lễ chùa Hoa Yên. Vào mùng 4 tết năm Bính Tý (1996). Ngài Chủ tịch nước Trần Đức Lương cùng phu nhân về lễ chùa Yên Tử. Đứng bên gốc Đại, Ngài thân mật dặn dò:

“Ở Yên Tử, những cây Đại, cây Tùng quý vô giá. Một ngôi chùa lớn chỉ cần vài tháng là xây xong. Một cây Đại, cây Tùng cổ thế này, phải cần 700 năm mới có”.

Ở phía hồi Chùa, còn hai cây sung cổ. Quả sai chiu chít, chùm đỏ, chùm xanh, thường xuyên cung cấp cho nhà chùa món quả sung ướp muối trong các bữa ăn chay thanh bạch.

Hơn mười năm trước, nơi đây còn hoang vu. Cỏ hoang lan kín quanh Chùa. Ngày nay, quang cảnh Chùa Hoa Yên đã khang trang đẹp đẽ.

Từ cuối năm 2002, ngôi chùa Hoa Yên đã được tôn tạo lại. Chùa gồm Tòa Tam Bảo (Chính Điện), nhà thờ Tam Tổ, hành lang tả – hữu kiêm lầu trống, lầu chuông... qui mô kiến trúc hài hòa với cảnh quan, địa thế tự nhiên của non thiêng Yên Tử, chất liệu bằng gỗ, lợp ngói mũi hài kép, các họa tiết điêu khắc đặc trưng thời Trần, trong chùa thờ tượng Phật bằng đồng. Toàn bộ hoành phi, cửa võng, tượng pháp trong chùa đều do Thượng tọa chùa Phúc Nguyên Thích Quảng Tùng tập hợp công đức của thập phương dâng cúng. Trước Tòa Tam Bảo là lầu hương bằng

đồng, do ông Lê Văn Kiêm, Hoàng Quang Thuận, Sở Du lịch Quảng Ninh... tiến cúng.

Về Yên Tử, du khách thường nghỉ lại Hoa Yên.

Từ Hà Nội sáng sớm xuất hành, tám chín giờ sáng đến Ông Bí, qua lễ bốn chùa; Suối Tắm, Cầm Thực, Chùa Lân và Giải Oan, có nhanh chỉ chập tối đến Hoa Yên đánh lễ, nghỉ lại qua đêm, sáng sớm hôm sau thượng Chùa Đồng. Chiều, xuống, lên xe về Hà Nội.

Đó là lịch trình đi Yên Tử trong hai ngày của du khách Thủ Đô. Khi có cáp treo, phần đông du khách về Yên Tử nội một ngày.

Vài ba năm trước, khách về Chùa đông, nhà trọ ít, có phen phải tạm ngả lưng ở sân Chùa đợi sáng.

Bây giờ khác trước. Tuy chưa đầy đủ, đẹp đẽ khang trang lắm, song vẫn có nhà cho du khách nghỉ qua đêm. Chăn ấm, gối êm mời quý khách.

Cạnh sân nhà khách, quầy bán sách báo sẽ giúp cho du khách có thêm hiểu biết mới về Danh Sơn Yên Tử, về Thiền Trúc Lâm, về những điều huyền diệu ở chốn này – nơi Đất Phật, cõi Thiêng đầy bí ẩn.

Mùa thu năm 1998, tuyến đường hành hương từ phía tây chùa Hoa Yên sang Ngự Dội – Thác Vàng đã mở. Mùa thu năm 2004, tuyến thắng tích trên đã được Công ty Cổ phần phát triển Tùng Lâm công đức tôn tạo, đường đi thuận lợi, cảnh trí hài hòa. Xin mời Quý khách du.. Khách du thăm thú tuyến đường này.



Chùa Hoa Yên

11. CÂU CHUYỆN ĐỤN GẠO VÀ SỮA MẸ

Sau nhà trọ Hoa Yên có hai đường lên núi: Một đường lên dốc đi Vân Tiêu. Đường sang Một Mái qua sân Tháp.

Mời du khách đi đường qua sân Tháp. Chỉ đi đường này, du khách mới vào được hai Chùa Một Mái và Bảo Sái. Còn lên Vân Tiêu không qua hai Chùa này, sẽ là luyến tiếc: “Giá mà đi...!”

Từ Chùa Hoa Yên, du khách men theo lối mòn bên vực thẳm, dưới tán lán hàng tùng cổ thụ, chừng hai trăm mét sẽ đến Chùa Một Mái.

Chùa Một Mái, tên chữ là Bán Thiên Tự, xưa còn có tên là Thanh Long Động. Gọi là Bán Thiên Tự, vì Chùa ở cao giữa lưng trời. Chỉ có nửa Chùa phô ra bên ngoài trời, còn lại nửa Chùa ẩn sâu trong hang núi.

Gọi là Thanh Long Động, vì bên trong Chùa là hang động. Xưa, Động này nhiều rắn, nhất là loài rắn xanh, nên có tên là “Động Rồng Xanh” (Chữ Hán là Thanh Long Động).

Vào thời Lê, ngôi Chùa có tên: Chùa Bồ Đà.

Đầu thế kỷ hai mươi, dân ta thường gọi là Chùa Bán Mái.

Xưa chưa có Chùa, nơi đây gọi là Am Ly Trần. Cảnh Am tĩnh lặng, thanh thoát, cách xa nơi trần tục (ly trần). Vua Trần thường sang đây đọc sách, soạn kinh. Các văn từ, thư tịch được tàng trữ ở đây. Sau khi Đức vua Trần hiển Phật, người sau lập Chùa ở am này.

Muốn lên Chùa, du khách phải vòng qua sân Tháp, bước lên vài mươi bậc đá xếp, đi thành hàng một, trên lối mòn chênh vênh.

Chùa dài bốn gian. Chiều ngang hẹp, có chỗ chưa đầy hai mét. Tượng và đồ thờ được trạm bằng đá trắng vào thời kỳ cuối Lê, đầu Nguyễn. Tất cả vẫn còn khá nguyên vẹn. Đó cũng là nét riêng độc đáo của Chùa này. Gian ngoài Chùa là mái vòm hang động.

Trong ngách hang, có một núm đá, nước nhỏ tí tách từng giọt một, cả đêm chưa đầy một bát con. Nhà sư gọi đó là sữa mẹ. Một điều kỳ lạ: Khi bát nước đầy, từ núm không nhỏ thêm giọt nào nữa. Nền chùa sạch khô không giọt nước thừa tràn.

Du khách về Chùa, ai cũng muốn nhấp một ly sữa mẹ để lấy khước. Mẹ đất chắt chiu từng giọt sữa, để dành cho những người con mộ Đạo.

Ở trên vòm động, còn một lỗ thủng trông nham nhở.

Tục truyền: Xưa kia, nơi ấy chỉ là một vết nứt bé nhỏ. Từ vết nứt ấy, có một dòng gạo nhỏ chảy ra. Sư Chùa hứng lấy, nửa ngày được nửa lon gạo trắng. Sư đem thổi cơm, cũng vừa một bữa khá no nê. Ngày qua tháng lại, nhà sư bí mật làm việc ấy. Đụn gạo chảy đều, ngày một lon.

Vào năm đại hạn, thóc gạo khan hiếm, giá gạo vọt cao. Sư toan tính đục to cái lỗ trên vòm động để cho gạo tuôn ra ô ạt, đem bán lấy tiền sắm tư trang. Khi miệng lỗ vừa phá thì, ôi thôi, toàn là cát đá tuôn rơi xuống. Sư không tránh mau thì bị cát đá vùi. May có hòn đá to chắn ngang miệng lỗ, nên cát đá không còn tuôn ra nữa. Đụn gạo từ đó cũng không còn.

Câu chuyện trên gắn với Chùa này, chỉ để răn đời: Cần ngăn hãm lòng tham, cần phải biết thế nào là đủ... (!).

Lưu ở Chùa có một số bia đá khắc chữ Hán. Nét chữ trên bia còn khá rõ.

Một tấm bia ghi hồng danh của bảy vị Thiền sư có Pháp danh là Tuệ Giác, Tuệ Hải, Giác Diệu, Hải Ngân, Bích Giới, Thanh Lô và Như Chiếu. Câu kết của bia mang nghĩa lý thật sâu xa:

“Thuyết giáo thọ quy hữu hạn, hà vi thế cục do thiên

Tưởng lai đức nghĩa nam trừ tận, khắc tâm hoài lưu thạch”

Nghĩa là:

“Nói rằng sống chết có hạn sao lại cho thế cuộc tại trời.

Nghĩa là đức nghĩa khó đền xin khắc vào lòng ghi trên đá”.

Một tấm bia “Sa di thờ Phật” của Đại Đức Huệ Xuân, quê ở xã Kim Liên, huyện Đông Triều.

Một tấm bia thờ Đại Giác Viên Minh, tên chữ là Chiếu Kiêm, hiệu là Tuệ Nhật, quê ở xã Quần Anh Hạ, “Đốt tay tụng kinh để tu Thiền⁽¹⁾”.

Một tấm bia công đức khắc vào ngày 11 tháng tư năm 1853 ghi phương danh những người làm

⁽¹⁾ Xin đọc thêm “Danh nhân Yên Tử” – NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội 1996 – trang 92.

công đức trùng tu chùa Bồ Đà, quê quán ở huyện Thủy Đường⁽²⁾ và huyện Đông Triều, tổng cộng số tiền là 34 quan.

Trên mặt bát hương bằng đá xanh, chạm hình nổi “Lưỡng Long Triều Nhật” vào năm Tự Đức thứ 6 (1853) có khắc dòng chữ Hán “Phật Pháp Tăng – Tam Bảo Kim Cương”.

Một bia Công Đức khắc vào ngày 8 tháng 12 năm 1936 thời Bảo Đại nhà Nguyễn, có đoạn viết:

“... Chùa Bán Mái núi Yên Tử tỉnh Quảng Yên, trải qua các Triều Lý, Trần, Lê trước đây đã có nhiều vị tu hành đắc đạo.

Rừng Tùng núi cao dấu tích Phật tiên muôn dân sùng bái. Từ đó đến nay bị sương gió, nắng mưa hủy hoại. Cảnh rừng núi thê lương mà việc tu tạo Thiên Lâm vẫn chưa có ai. Tài lực để sửa chữa không có người xuất ra. Ông Vũ Bá Lương, bang trưởng Uông Bí, người xã Thi Liệu, tỉnh Nam Định cùng vợ thứ là Ôn Thị Thảo quả là người từ thiện... Vợ chồng ông đã xuất hàng sán,

⁽²⁾ Nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

tiền bạc tu tạo Chùa. Đến nay công việc đã hoàn thành tốt đẹp.

Nơi thờ phụng Phật, Thánh, Thần, Tiên lại sáng rạng. Công đức này thật đáng ghi chép..”

Ngoài cửa, bên lối vào Chùa, có một cây mai trên triền núi, cành rủ xuống la đà. Hoa mai vờn tóc người qua lại. Xuân sang, hoa mai vàng nở rộ. Mai vàng khoe sắc giữa rừng xanh. Chờ khi khách đến, cành Mai lay động, cánh hoa lià dài rập rờn rơi như những cánh bướm vàng.

Cây bưởi trước Chùa hoa trắng xóa.

Vài chú chim chiu chít chuyền cành, làm cánh hoa rơi, bay lả tả. Hương thơm ngan ngát tỏa lên Chùa.

Bóng Tùng thấp thoáng bên ô cửa.

Ngày nay, các “ông” Rồng xanh thi thoảng lại xuất hiện. Sư chùa kể rằng:

“Những lúc trở trời, các “ông” bò ra nằm la liệt.

Một đạo nhà ni còn xây dở, sư dọn lên góc chùa nghỉ tạm. Sáng dậy, tìm dép ra ngoài, thấy “ông” Rắn nằm bên cạnh sạp vươn cổ dậy.

Nhà sư niệm Phật, ông lừng lững trườn mình vào tường trong. Nhà sư đứng dậy, toan bước, lại giật mình, khựng lại: Một ông Rấn lớn từ xà ngang buông mình xuống ban thờ, náu mình vào Tượng Phật nhìn ra. Ban đầu cũng sợ. Lâu dần rồi quen. Việc của ông ông làm. Việc của mình mình làm.

Tuy nhiều rấn thế, nhưng chưa ai bị Rấn cắn bao giờ. Du khách về thăm, rất ít khi các ông ra nghênh tiếp”!

Dưới lối lên Chùa, ngay cạnh nhà Ni còn hai ngôi Tháp đá, xây vào thời Lê.

Một Tháp có tên là “Thanh Long Tháp” thờ cụ túc giới⁽¹⁾ Thiền sư Nguyên Hội, thị tịch ngày 12 tháng 3 năm Ất Hợi. Một Tháp có tên “Thanh Long Động” thờ Thiền Sư Chiếu Kiên quê ở Phủ Thiên Trường (Nam Định). Cả hai tu ở Chùa Bồ Đà, Thanh Long Động.

Đứng trên thềm hiên nhà ni chùa Một Mái, du khách tha hồ mà ngắm cảnh. Dưới chân là một thung lũng hẹp, được tạo lên bởi hai triền núi dốc

⁽¹⁾ *Cụ túc Giới: Có nghĩa là giới luật đầy đủ, 250 giới của Tỷ - kheo và 350 giới của Tỷ - kheo - ni.*

giao nhau. Nơi ấy dòng suối bạc núp mình dưới bóng cây Đại Thu, tiếp nước cho đoạn suối Giải Oan chảy rì rầm suốt tháng năm không nghỉ.

Rừng cây lúp xúp, xanh thắm màu da xanh của rừng già, ta ngỡ mình đang ngồi trên một chiếc phi cơ bay chậm chậm, lạc vào giữa núi rừng trùng điệp. Một đàn chim biếc xanh, mỏ đỏ, ào ào đáp tới như cơn lốc. Chúng lượn một vòng, chao nghiêng, rồi mất tiêu trong tán lá Tùng già.

Loài chim ấy dạn người, sà cả vào chùa, mổ xôi dâng cúng Phật. Sư chùa thấy chúng thường cho ăn sau khi lễ Phật xong.

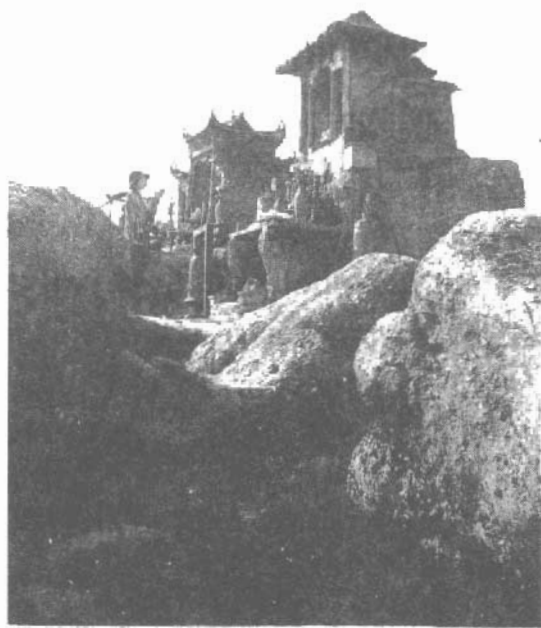
Những ngày sau Hội, cảnh chùa im ắng hơn cả bên Hoa Yên. Chỉ có tiếng suối reo róc rách ở sau nhà. Sư chùa có chim muông làm bạn.

Sau trận mưa rừng, ánh nắng mặt trời làm khô vũng nước trên hõm đá. Đàn Vẹc⁽¹⁾ dưới thung kéo nhau lên phơi nắng. Chúng quây quần quanh hai ngôi tháp đá, nằm ườn ra, nô đùa nhau chí chóc. Vẹc mẹ bồng con đặt vào lòng bắt rận. Vẹc con hiếu động chẳng chịu yên. Thấy động,

⁽¹⁾ Một loài khỉ rừng thường thấy ở Yên Tử, dân địa phương gọi là Căng, là Vọc.

thoắt cái cả đàn mất hút dưới lòng thung. Có chú từ trên tảng đá lao vội xuống, sải chân, tập tễnh, thật đáng thương.

Trước sân nhà ni, có một cây ngót rừng cổ thụ. Sang xuân ngót rừng thay lá mới, cánh lá tơ non, hái xuống nấu canh, vị ngọt đậm tróc lưỡi, không cần tra bột ngọt Vê-Đan. Ngót rừng Yên Tử chưa có tiếng vang như rau sắng Chùa Hương, còn ít người biết đến. Quã sung Chùa Hoa Yên Tử, lá ngót rừng Một Mái, đó là những món ăn độ nhật, rừng thiêng ban phát ở trên này!



12. ĐI - VỀ NƠI CÔI PHẬT

Có lẽ nào ở một chốn linh thiêng, ngồi xe – leo dốc cũng mất một ngày đường, lại có thể tung hoành “dọc ngang trời đất trên đầu có ai” như Tôn Ngộ Không đại náo Thiên Cung được?

Ở Chùa Hoa Yên, du khách bất ngờ phát hiện ra một điều thật thú vị: Hệ thống Am, Tháp, Chùa chiền ở Yên Tử được bài trí theo hai hệ trục đường dọc – ngang, vuông góc nhau: trục hoành và trục tung.

Trục tung (dọc) hướng từ Nam lên Bắc: Từ Chùa Bí Thượng, Suối Tắm, Cầm Thực, Chùa Lân, Giải Oan, Hoa Yên, lên Chùa Đồng.

Trục hoành (ngang) hướng từ Đông sang Tây: Từ Am Dược, Am Hoa, Thác Bạc, Am Diêm, Chùa Một Mái, Hoa Yên, sang thác Ngự Dội, Am Thiên Định, Thác Vàng.

Chùa Hoa Yên là điểm giao nhau giữa hai hệ trục trên. Thế mới biết người xưa trong việc xây dựng các công trình kiến trúc, đã biết dựa vào thế tự nhiên mà quy hoạch các công trình theo một mô típ khá đặc biệt.

Hiện tại tuyến đường trục hoành đi sang thác Bạc, Am Dược còn chưa mở. Có người dẫn đường, du khách mới đi được. Thời gian đi trọn nửa ngày trời.

Về phía Tây, cách Chùa Hoa Yên 480 mét sẽ tới Thác Ngự Dội. Đường sang bên Thác rợp bóng Tùng. Những cây Tùng Vua Trần Nhân Tông trồng cách đây 700 năm, tuy cùng độ tuổi với đồng loại ở Đường Tùng dưới Tháp Tổ, song thân gốc mịn màng mập khỏe. Nhiều cây to hơn đồng loại dưới Đường Tùng.

Từ trên vách núi cao mười mét, một dòng thác nước tuôn trắng xóa... Nước xối ào ào dưới lòng khe. Vào mùa khô, thác nước chỉ còn chảy róc rách. Bên kia dòng thác, leo vài mươi bậc lên triền núi, thấy một nền am bằng đá ghép. Xung quanh vẫn còn chân tường đá. Quang Am là rừng trúc bạt ngàn. Trúc chen nhau mọc dưới tán lá của rừng cây cổ thụ.

Trúc lách qua kẽ đá nền Am, vươn lên những đọt măng mập mập. Đây là phế tích Am Thiên Định⁽¹⁾. Xưa chưa dựng chùa, các nhà sư tu hành

⁽¹⁾ Có ý kiến cho rằng: Đây là Am Ngọa Vân, nơi nhà vua Trần Nhân Tông nằm theo thế Sư tử mà hóa. Vài ngày sau, măng trúc mọc xuyên qua đuôi Ngài.

nơi Am cỏ, hòa mình với chim muông với thiên nhiên hoang dã. Nền Am lát đá cho đỡ ẩm, vách nứa, mái tranh ngăn thú dữ, mưa rừng...

Vua Trần thường ra thác nước tắm, rồi trở về Am nhập định tham Thiền.

Thác nước mang tên: Thác Ngự Dội (Thác Vua ngự tắm).

Từ Am Thiên Định, đi tiếp về hướng Tây, du khách bắt gặp một đoạn đường kỳ lạ.

Con đường nằm ở giữa. Bên trái là hàng cây, thân vươn cao, thẳng tắp, xếp hàng ngay ngắn như học trò vào lớp. Bên phải là vách đá phẳng phiu dốc đứng. Bên trên dốc đá, rễ cây tuôn ra, bò trên vách rồi cắm xuống lòng đường. Đến đoạn đường này, dù tuổi đã lên ông, lên bà, du khách thấy mình như trẻ lại. Mỗi người nhận một rễ cây bán vào, leo núi. Tiếng cười reo vang dội cả khu rừng. Cảnh trí ở đây, khá khen thợ trời khéo sắp đặt. Nhà thơ Vũ Khiêm đã đặt đoạn đường này cái tên thật tên thơ: Đường Thạch Thảo.

Ở đường Thạch Thảo, khi tiếng cười lắng xuống cũng là khi du khách giật mình: Tiếng nước ào ào, cứ tưởng cơn mưa rào ập đến.

Thác Vàng gần đầu đây. Đi non trăm mét nữa là tới. Thác Ngự Dội đã lớn. Thác Vàng còn lớn gấp bội phần. Vách đá cao dốc đứng. Nước từ đỉnh dốc tuôn trắng xóa. Khác nào dải lụa khổng lồ. Ngọn nước như từ trời đổ xuống. Cây rừng khép tán, đứng dưới chân thác ngược nhìn lên, ta chỉ thấy mảnh trời trên ngọn thác. Nhà văn Vũ Khai đặt tên cho thác là “Thiên Thủy” (Nước trời).

Với Thác Vàng, nước không hề khô cạn. Mùa khô, nước có bớt đi, nhưng dòng thác vẫn âm ào tuôn chảy. Nước thượng nguồn trên đỉnh núi dồn về, qua thác, xuống suối Vàng, chảy về Suối Tiên ở Giải Oan.

Thác nước tung bụi nước mịn mù. Bụi nước dâng cao lưng chừng thác. Tia nắng mặt trời xuyên qua quầng bụi ấy liền biến thành bảy sắc cầu vồng. Đương hè nóng bức, ở bên lòng thác vẫn mát lạnh. Nhiều người luyến tiếc vì đã tắm quá lâu ở Ngự Dội, bèn hẹn dịp sau về tắm ở Thác Vàng.

Tạm biệt Thác Vàng, du khách về Hoa Yên nghỉ trưa, rồi đi tiếp sang Am Hoa, Am Dược.

Từ nhà ni Một Mái, nhờ người dẫn lối, du khách xuyên rừng, men núi, về hướng Đông.

Rừng ở đây nguyên sơ và tuyệt đẹp. Cây cổ thụ vươn cao, xòe tán rộng. Tầng tán cây nọ, chồng lên tầng tán lá của cây kia. Rừng già âm u. Ánh nắng mặt trời không lọt rơi xuống đất. Dưới tán cây cổ thụ, trúc mọc ken dày, chen lối bước. Trúc đều tăm tắp, thân thẳng, vàng óng ả. Dây leo chằng chịt, vắt từ cây này sang cây kia. Một thế giới chim muông, hoa lá dần hiện ra. Càng vào sâu trong rừng, du khách như trở về thời tiền sử. Cành khô kêu rảng rác dưới chân. Hương cây, lá mục nồng ngai ngái.

Trên đường, từng đoạn lại thấy cây Tùng cổ, như thể người xưa đánh dấu đường.

Tới một nền đá cỏ phủ kín, vài cây Tùng cổ đứng vây quanh. Du khách tới Am Diêm. Đây là Am xưa kia dùng để dự trữ muối. Muối được chở từ miền xuôi lên, nhập vào Am, phân phát các chùa trên núi cao.

Rời Am Diêm, tiếp tục một chuyến du lịch rừng, trong dư âm tiếng suối reo, thác đổ.

Vừa qua khỏi vạt rừng, một làn hơi lạnh phả vào ta. Một cảnh tân kỳ hiện ra trước mắt ta: Thác Bạc.

Khác với Thác Vàng – một ngọn thác đơn cô mà hùng vĩ, Thác Bạc chỉ là một ngọn thác điển hình trong số các thác được tạo ra trên dòng suối Bạc. Thác nọ gối tiếp thác kia.

Thác Bạc cắt ngang tuyến đường từ Am Diêm sang Am Hoa, Am Dược.

Nước từ trên cao tủa ra như một chiếc đuôi Rồng rủ xuống, dịu hiền và thơ mộng, không rên vang như ngọn Thác Vàng. Nơi chân Thác, nước tạo thành lòng hồ. Nước hồ trong vắt, nhìn tận đáy. Đáy nước ngơ nông mà sâu quá đầu người. Đàn cá tung tăng, thoắt thấy bóng người là chạy biến. Chếch dưới cánh rừng bên kia Thác, có một vạt Tùng lá xanh biếc. Giữa một thảm rừng xanh ngút ngát, du khách dễ nhận ra đâu là lá của Tùng.

Tạm rời Tháp Bạc, lên đường theo hướng Vạt Tùng kia, du khách tới Am Hoa. Ở Yên Sơn, nơi nào có Tùng, nơi ấy có di tích lịch sử. Tùng ở Am Hoa cổ kính, nhiều và đẹp, chưa từng bị gió xoắn,

người bầm gốc. Am Hoa trên triền núi. Cách đó không xa: bãi đất phẳng phiu, cỏ xanh rì.

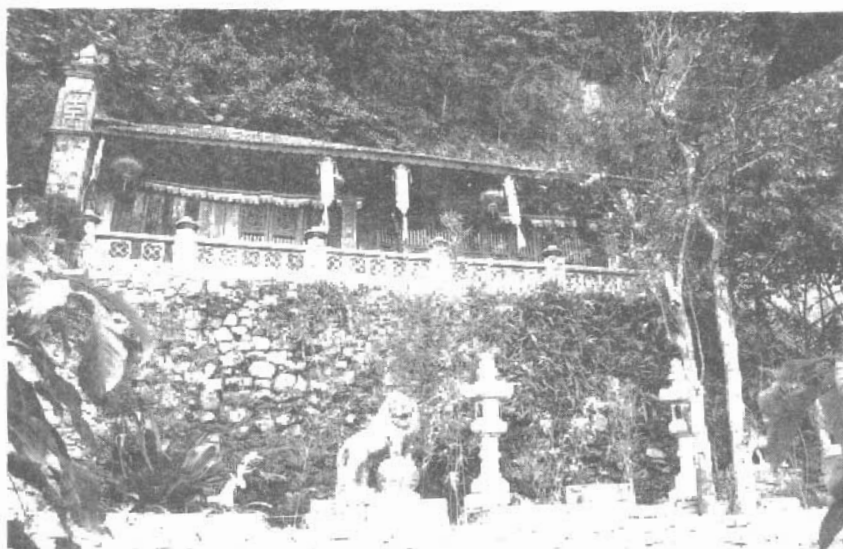
Phải chăng, đó là nơi xưa kia để trồng hoa và là vườn hoa của Tùng Lâm Yên Tử. Buổi chiều cắt hoa. Hoa được đưa về Am, bảo dưỡng qua đêm, để sớm mai hoa tươi dâng cúng Phật.

Am Dược gần đó, chỉ cách Am Hoa vài trăm mét. Dưới bóng Tùng xưa, dấu tích Am xưa còn khá rõ. Cạnh nền Am có ngôi tháp cổ – tháp mộ của Thiền Sư viên tịch ở đây.

Bấy trăm năm trước, Am Dược đã trở thành một xưởng bào chế thuốc. Các loại thảo dược ở Yên Sơn được thu hái mang về, bào chế thành những viên thuốc Hồng Ngọc Sương. Những viên thuốc quý này không chỉ chữa bệnh cho các Thiền sư tu hành ở Yên Sơn, mà còn cung cấp cho triều đình, ban phát cứu dân những phen tràn dịch bệnh. Tường Am đá ghép vẫn còn khá nguyên vẹn.

Sau một ngày, trở lại Chùa Hoa Yên, du khách chỉ ước sao:

Tuyến đường sang Tháp Bạc tiếp tục khai mở để được tung hoành trên đất Tổ, tìm về dấu Phật, tích Tiên, “Tiêu dao trong cõi rộng”⁽¹⁾ Rừng Thiên!



Chùa Bảo Sái

⁽¹⁾ Một câu kệ của Sư tổ Hiện Quang (Thời Lý) Xin đọc trong “Danh Nhân Yên Tử”, trang 6.

13. DẤU TÍCH HỔ THIÊNG

Trước Chùa Một Mái, có một lối mòn đi lên núi. Đường dốc quanh co, khá dễ đi. Bên đường, Trúc mọc xen với cây rừng rậm rạp. Vượt qua đường dốc 494m sẽ tới Chùa Bảo Sái. Gần Chùa, ở về phía bên phải, có một gò đất cao, trên dựng ngôi tháp đá, đường nét kiến trúc rất tinh tế. Ngôi Tháp được dựng vào thời Nguyễn, bốn mặt khắc văn bia chữ Hán ghi lại công đức của Tỳ Khưu Ni Đàm Thái, hiệu Tuệ Thông, vốn ở Chùa Quỳnh Lâm, lên tu ở Bảo Sái 10 năm vào đầu thế kỷ này⁽¹⁾. Tháp đá mang tên: Tháp Trà Tỳ.

Đi qua ngôi tháp chưa đầy trăm mét sẽ tới chùa.

Chùa Bảo Sái chênh vênh trên triền núi, ở độ cao 724 mét so với mặt biển. Sau lưng vách đá cao thẳng đứng. Vách núi chắn gió biển thổi vào. Hơi nước ngưng khiến cho vách núi ướt đầm dề. Nước nhỏ từng giọt, rơi tí tách. Khu vực nhà chùa luôn ẩm ướt.

⁽¹⁾ Xin đọc thêm “Danh nhân Yên Tử” – trang 97.

Thời kỳ vua Trần tu hành ở Yên Sơn, nơi đây chỉ có Am trong Động (ở sau Chùa Bảo Sái hiện nay). Am được gọi là Ngộ Ngữ Viện. Tu hành ở đó là một vị Đại đệ tử thân tín nhất của vua Trần là Bảo Sái. Ông được vua Trần giao cho công việc biên tập và ấn tống tất cả các kinh văn của Thiên Phái Trúc Lâm rồi chuyển xuống Hoa Yên, Quỳnh Lâm, Côn Sơn và Vĩnh Nghiêm để truyền giảng Thiên Tông cho các Phật tử trong cả nước Đại Việt.

Trên vách chính điện của Ngộ Ngữ Viện nay còn đôi câu đối:

“Thạch hóa Trúc Lâm lưu điển tịch
Sơn cao Bảo tòa kết lâu đài”.

Dịch nghĩa:

“Nơi đá núi sáng lập Phái Trúc Lâm, điển tịch
còn lưu lại.

Trên non cao tòa báu Thiên môn đã kết thành
lâu đài”.

Sang đời Đệ Nhị Tổ Pháp Loa, trước cửa Ngộ Ngữ Viện chỉ coi ra một gian chùa nhỏ. Trong động thờ Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm.

Sau khi tổ Bảo Sái viên tịch⁽¹⁾, Ngô Ngữ Viện thành chùa. Người sau lấy tên Tổ đặt tên chùa: Bảo Sái.

Cùng từ thời đó, với sự suy vi của đạo Phật, Chùa Bảo Sái ở trên cao, nên đã bị thiên tai hủy hoại.

Vào cuối năm 1907, ni sư Đàm Thái về ở đây, thâu lượm công đức thập phương xây chùa mới. Bảo Sái trở thành chùa đẹp nhất Yên Sơn. Rồi chùa bị sập do một tảng đá to lăn xuống. Già bản kể rằng: Vài mươi năm trước, ở chùa Bảo Sái có một nhà sư ngày ngày chẻn mảnh việc tụng niệm, không giữ được giới hạnh thanh tịnh, làm điều ô uế chốn Phật đường.

Trong cơn mưa lớn, có một tảng đá từ trên đỉnh núi lăn xuống, làm bạt mái chùa. Cánh cửa đằng trước văng xuống núi. Riêng ngôi tượng thờ, đồ lễ vẫn còn nguyên. Nhà sư lúc ấy đương trên chùa, khiếp đảm, bèn bỏ đi biệt tích. Các phật tử rước tượng, đồ thờ để vào trong hang đá”.

⁽¹⁾ Hiện còn chưa rõ thời gian nào và ở đâu.

Đến năm 1990, tượng chùa Bảo Sái vẫn còn để ngự ở trong hang. Nước trên vòm hay nhỏ xuống làm cho các ngôi tượng luôn bị ướt. Sự chùa Hoa Yên ni Diệu Nhân đã góp nhặt công đức của thập phương và của sư ông Chùa Nam Hòa (Yên Hưng) trùng tu tại chùa trên nền cũ. Bên trong trang trí tượng sơ sài.

Từ năm 1995 đến nay, Chùa Bảo Sái trở thành một trong những ngôi chùa khang trang, đẹp đẽ, trong hệ thống chùa chiền ở Yên Sơn.

Trong chùa, ba ngôi tượng đồng Tam Tổ ở trên tòa chính điện.

Chuông chùa Bảo Sái đúc năm 1919 do sư trụ trì chùa Bảo Sái là Phổ Thịnh, Sa di Vân Hà cùng các đệ tử ở Hà Nội công đức. Sau khi chùa bị bạt mái, quả chuông văng xuống thung lũng núi. Thợ rừng phát hiện báo nhà chùa. Sư Chùa Giải Oan thuê thợ chuyển lên Chùa. Chuông Chùa Bảo Sái hiện ở chùa Giải Oan, chờ ngày hoàn vị⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chùa Giải Oan hiện treo hai chuông lớn.

Quả chuông treo ở chùa Bảo Sái hiện giờ là chuông chùa Vân Tiêu. Sau khi chùa Vân Tiêu bị cháy, chuông được chuyển sang chùa Bảo Sái. Còn tượng pháp thì chuyển xuống Chùa Hoa Yên⁽¹⁾.

Trên chuông khắc chữ Hán, dịch nghĩa:

“Triều vua Khải Định năm Kỷ Mùi (1919) ngày 18 tháng 7. Phái Phù Lãng dòng Lâm Tế⁽²⁾ Sư trụ trì chùa Bảo Sái tên chữ Hán là Tâm Ứng, hiệu Thanh Minh, cùng với tín đồ thập phương công đúc chuông. Đúc nặng hơn trước. Quả chuông đúc được một tạ sáu mươi cân”.

Dễ gây ấn tượng nhất là bộ cánh cửa. Những người thợ mộc tài hoa ở Thành Nam đã truyền tình cảm, tâm linh của mình vào bộ cánh cửa này trong từng nét trạm khắc. Mỗi cánh cửa xứng đáng là một tác phẩm nghệ thuật.

⁽¹⁾ Chùa Hoa Yên thờ hai bộ tượng Tam Thế (một bộ ở Vân Tiêu rước xuống).

⁽²⁾ Một Pháp phái tu Thiền từ Trung Quốc du nhập vào nước ta từ thế kỷ 18.

Lâm Tế là một trong năm phái Thiền Tông ở Trung Hoa, có quan hệ tới phái Thiền Lâm Yên Tử.

Trên chùa treo các bức đại tự trạm khắc theo lối cổ. Có bức trạm theo hình cuốn thư, đường nét uốn lượn rất tinh tế. Từ phải sang trái, các bức đề: “Thánh Trần Bảo Điện”, “Đức ông Bảo Điện”, “Trúc Lâm Tam Tổ”, “Đại Hùng Bảo Điện” và “Phật Phái Thiên Lâm”.

Áp vào vách cột, tường là những nơi câu đối khắc chữ Hán trên nền ván gỗ, sơn son thiếp vàng thật đẹp đẽ.

Câu đối 1: “Lạc Nam cố Phật Phái Trúc Lâm
Đóa thán quốc đạo nhân tu thịnh”

Tạm dịch: “Nước Nam tươi đẹp có Phật phái
Trúc Lâm

Lòng muốn quốc đạo mãi nhân du thịnh vượng”

Câu đối 2: “Thiên thù bảo cái thiên quang chiếu
Địa đồng Kim Liên thụ khí nồng”.

Tạm dịch: “Thiên trong hào quang chiếu sáng
bao trùm cả bầu trời
Non cao tòa sen nở như ngọc hấp
thụ khí trong lành”

Và câu đối thứ 3:

“Vãng lai cảnh Phật từ bi đạo

Đắc thọ Thiên môn niệm Phật tâm”

Dịch nghĩa:

“Tới thăm cảnh Phật đạo từ bi

Muốn đắc thọ thiên môn phải chuyên tâm niệm Phật”.

Bước qua ngạch cửa đầu hồi bên trái ra sân chùa, du khách đi vào thế giới của cổ tích: Tượng ông hổ đá soi mình dưới giếng thiêng. Gốc giổi⁽¹⁾ bao tháng năm qua bị móng vuốt hổ cào, nay vẫn còn rõ vết.

Già bản kể rằng:

“Ngày xưa ngày xưa, có một ông hổ ở đâu mò về chùa, độc chiếm cái hang bên giếng nước. Cứ mỗi lần sư lên chùa tụng kinh gõ mõ là hổ lại rời hang, ra nằm bên gốc giổi nghe kinh kệ. Ngày qua tháng lại, Hổ với người sống an hòa vô sự. Vào một ngày kia, sư chùa lâm bệnh, chưa tụng

⁽¹⁾ Tên một loại gỗ quý ở Yên Tử, hiện có một cây ở sáu Chùa Bảo Sài.

kinh xong thì đột ngột mệnh chung⁽²⁾. Ông hổ vươn dậy, chân trước ôm ghì vào thân cây, gặm thét. Tiếng thét âm vang cả núi rừng.

Nghe tiếng hổ gặm, người bên chùa Vân Tiêu chạy vội sang, thấy hổ nằm trong hang mắt nhỏ lệ. Họ vội vào chùa, làm lễ an táng cho sư. Từ đó, Ông Hổ biệt tăm, để lại vết móng vuốt găm vào thân cây gỗ.

Đời sau đắp tượng ông trong hang đá và khắc vào vách hang bốn chữ “Hổ bao niết linh” (Móng vuốt ôm cây của hổ thiêng) để ghi lại tích này.

Phải chăng đây cũng là biểu hiện tín ngưỡng “bái vật giáo”⁽¹⁾ đã một thời ảnh hưởng vào Yên Tử.

Già bản kể tiếp:

“Chùa này thiêng lắm. Có công việc gì, sư chùa cũng được tổ báo mộng luôn. Tỉnh thoảng, sau chùa vẫn hiện ra hình hài của một vị Bồ Tát”.

⁽²⁾ *Mệnh chung: chết*

⁽¹⁾ *Một thứ tín ngưỡng sùng bái các loài vật.*

Du khách hoài nghi đi tìm dấu tích của câu chuyện huyền thoại này, thì ở vách hang, có ngay ba chữ của người xưa đã khắc: “Bồ Tát hiện”.

Những ngày đông khách về Yên Tử, nhiều đoàn chập tối tranh thủ “Thượng sơn” lên chùa Bảo Sái nghỉ qua đêm. Nhà trọ của chùa tuy đơn sơ, nhưng cũng đủ cho chừng trăm khách trọ.



Chùa Vân Tiêu

14. CỬU TRÙNG ĐÀI NHÌN THẤU ĐƯỢC TIÊN CUNG

Từ Chùa Bảo Sái, đi theo triền núi về phía trái 184 mét, du khách sẽ tới chùa Vân Tiêu.

Xưa kia, Vân Tiêu chỉ là Am thất nhỏ.

Vua Trần Anh Tông có bài thơ chữ Hán viết về “Am Vân Tiêu”.

“Đình đình bảo cái cao phàn vân
Kính tiên cung khuyết vô phàn trần
Tuyết phong cách hữu học tiên giả
Tuyết phong minh nguyệt tương vi tân
Thanh phong táp địa vô hư yết
Minh nguyệt dương không Kiều băng tuyết
Thử phong thử nguyệt dữ thử nhân
Hợp thành thiên hạ tam kỳ tuyết”.

Dịch nghĩa:

Quả núi vôi vọi như chiếc lọng hoa cao với
tới mây
Cung điện thần tiên không gọi chút trần
tục...

Trên đỉnh núi lại có người theo học đạo
Tiên

Cùng với gió mát trăng trong kết làm bạn
láng giềng

Gió mát thổi quanh mặt đất không lúc nào
ngớt

Trăng trong lơ lửng trên không trắng xóa
như băng tuyết

Gió đây, trăng đây với người đây

Hợp với nhau thành ba thứ tuyệt diệu
trong trời đất”

(bản dịch của cụ Bùi Huy Bích)

Sau khi Đức vua Trần hiển Phật, nơi đây dựng thành chùa. Cửa chùa quay về hướng Tây Phương. Trái mấy trăm năm, ngôi chùa qua nhiều lần trùng tu. Mái tía lầu son thật rực rỡ. Có lần ngôi chùa trùng tu vào thời Lê, đích thân Chúa Trịnh đứng ra làm Hội chủ hưng công, tức là chủ chính cho việc trùng tu tôn tạo lại ngôi chùa.

Cửa chùa còn bia đá ghi lại sự kiện này. Chữ trên bia mờ, chỉ còn rõ những chữ “Lê Triều – Đại Nguyên Soái thống Quốc chính...”

Ngôi Chùa trùng tu vào thời Nguyễn cấu trúc chữ “Đình”, gồm ba gian tiền đường và hậu cung.

Gọi là chùa Vân Tiêu, bởi Chùa tọa lạc trên triền núi phía Tây dãy Yên Tử. Dãy núi như trường thành chắn ngang luồng gió biển thổi vào. Hơi nước tới đây, ngưng đọng lại thành mây. Mây, gió bị chặn ở sườn Nam, được thoát ra nơi triền núi phía Tây. Mây trôi lơ lửng trên triền non Yên Tử, tới đây lập tức bị tiêu tan. Nên dù ở gần đỉnh núi, chùa Vân Tiêu ít khi bị mây mù che phủ, khác hẳn chùa Bảo Sái ở cùng một độ cao. Ở nơi mây cứ đến là tan, nên Chùa mang tên là Vân Tiêu.

Bên trái phế tích chùa Vân Tiêu thời Nguyễn là ngôi nhà Thờ Tổ. Từ ngày Chùa cháy, ở đây chỉ có một ban thờ, trên đặt bát hương thờ chúa ngàn.

Cuối năm 1994 ni Bồ Tát giới Diệu Nhân ở chùa Hoa Yên, bằng công đức thập phương đã xây dựng một ngôi thờ Tam Tổ, lợp ngói vẩy rồng, hai hồi bit đốc, cánh cửa bức bàn bằng gỗ lim, trong thờ Đệ nhất Tổ Trần Nhân Tông, Đệ Nhị Tổ Pháp Loa, Đệ Tam Tổ Huyền Quang Tôn Giả.

Phía trước cửa chùa là vườn tháp 9 tầng. Giống như Hòn Ngọc, nền vườn tháp cũng là đỉnh một chóp núi mọc nhánh ra của dãy Yên Sơn.

Tục Truyền:

Quốc Sư Trúc Lâm Đại Sa môn đã hóa thân hiển Phật ở đỉnh núi này⁽¹⁾. Trong vườn có 6 ngôi tháp đá. Trừ ngôi tháp 9 tầng cỡ lớn, tất cả đều nhỏ bé, khiêm cung. Đó là năm tháp mộ thiền Sư tu hành ở Vân Tiêu vào thời Lê và viên tịch ở đây.

Một ngôi Tháp thờ Hòa Thượng Đại Giác Tuệ Thích Hoàng Hoàng, quê ở xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, tu ở chùa Long Động, sau lên trụ trì chùa Vân Tiêu. Văn bia chữ Hán còn ca tụng:

“Hòa Thượng thanh truyền lưỡng Bắc Nam

Vân Tiêu Bảo Tháp Đồng thiên địa”

Dịch nghĩa:

“Thanh danh hòa thượng truyền Nam Bắc

Tháp báu Vân Tiêu trụ đất trời”.

⁽¹⁾ Xin đọc thêm “Danh nhân Yên Tử” – NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội năm 1996 – trang 11.

Một ngôi tháp thờ Thiên sư Tuệ Hải

Còn ba ngôi nữa không còn văn bia. Nhìn kiến trúc, chất liệu của ngôi tháp, du khách ước đoán các tháp được dựng cuối thời Lê.

Bề thế nhất là ngôi tháp 9 tầng (Cửu Trùng Đài). Tháp được xây dựng bằng đá núi, vữa xi măng, hình lăng trụ bát giác, thu giạt cấp. Tám mặt tháp tượng trưng cho “Bát chính đạo”, tám đường tu hành chân chính⁽¹⁾ của người Phật tử, được Phật Tổ chỉ ra, chép ở trong kinh Phật. Đỉnh tháp là búp sen chưa nở. Cả khối nặng tòa tháp đè lên lưng của một ông Rùa đá to lớn – một kiến trúc mang dáng dấp đình, đền. Cửa tháp quay về hướng Tây, trên đề ba chữ “Vọng Tiên Cung” (Cung vọng tiên) - biểu hiện ảnh hưởng của Lão Giáo.

Kiến trúc tòa tháp khá hài hòa. Đường nét thanh thoát, đồ sộ, bề thế mà không nặng nề.

⁽¹⁾ *Bát chính đạo: gọi chung là Bát chính đạo phân, còn gọi là Bát Thánh đạo chi. Đạo này lià thiên lệch tà vạy nên gọi là Chính đạo. Là Đạo của bậc Thánh đạo. Gồm: 1- Chính Kiến, 2- Chính tư duy, 3- Chính ngữ, 4- Chính nghiệp, 5- Chính mệnh, 6- Chính tinh tiến, 7- Chính Niệm, 8- Chính định.*

Nhiều đường nét chi tiết mà không rườm rà. Khiến cho ta liên tưởng tới tòa tháp xây ở chùa Thiên Mục (Huế). Ngôi tháp có kiểu kiến trúc riêng độc đáo trong hàng trăm ngôi tháp ở Yên Sơn, phản ánh kiến trúc lăng tháp điển hình của thời Nguyễn. Đây không phải là tháp mộ nhà sư, mà chỉ là một ngôi tháp để phụng thờ chung cho tất cả các chư liệt tiên Tổ đã tu hành ở Yên Sơn. Đồng thời, cũng để tôn thêm vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh.

Bia đá ở trong cung Vọng Tiên khắc chữ Hán vào năm Bính Tý Thánh Triều Bảo Đại, ngày 13 tháng 12 năm 1936 có ghi:

Dịch nghĩa:

“Chùa Vân Tiêu, núi Yên Tử, tỉnh Quảng Yên, từ các triều đại xưa đã là một danh lam thắng cảnh, Tùng Bách um tùm. Từ đó đến nay, nhiều người đã tu hành ở nơi này. Giờ đây, nhìn kỳ quan xưa như thấy lại Triều Trần. Nhà từ thiện Tiên Hoa Vũ Vi Thiện, con trai Vũ Xuân Hảo đã bẩm với quan công Sứ về việc các chức sắc trong huyện và quan Tỉnh đã chứng nhận ông Tiên Hoa đã tự đem hàng sản đắp một tòa cửa đài trước cửa chùa Vân Tiêu và để phụng thờ quy y chính đạo. Nay

viết vào họ tên nhà từ thiện họ Vũ đã để lại tiếng thơm để biểu dương công đức”...

Hai bên tháp trồng hai cây Tùng xanh, làm tăng thêm vẻ đẹp của tòa tháp.

Ở chùa nhìn xuống, vườn Tháp chín tầng nổi bật trên nền núi xanh biếc. Du khách thường chụp ảnh ở đây để kỷ niệm.

Sau vườn là đường xuống Hoa Yên. Đó là đường tắt để cho du khách từ Chùa Đông hạ sơn không phải vòng qua Bảo Sái và Một Mái. Đường xuống Hoa Yên độ dài 581m.

Mấy năm trước, Tiến sỹ – Thi sỹ – Viện trưởng Hoàng Quang Thuận về thăm Yên Tử. Ông đã phát nguyện xây dựng chùa Vân Tiêu. Sau chuyến đi này, tập thơ nổi tiếng “Thi Vân Yên Tử” đã ra đời. Năm 2001, Trung tâm UNESCO Nghiên cứu – Ứng dụng Phật học Việt Nam (ông Ngô Văn Quán làm giám đốc) đã vận động phật tử hảo tâm công đức xây dựng chùa. Đạo tràng Pháp Hoa và Tổ Báo Ân chùa Quán Sứ của cụ Phạm Thị Điểm và Thượng tọa Thích Quảng Tùng trụ trì chùa Phúc Lâm (Dư Hàng – Hải Phòng) cúng tượng đồng, hoành phi, cửa võng.. Ông Hoàng Quang Thuận và

bạn bè gần xa của ông cùng góp công quả xây dựng chùa. Ngày Rằm tháng giêng năm Nhâm Ngọ (28/3/2002), ngôi chùa Vân Tiêu chính thức khánh thành, là một danh lam cổ tự đẹp có tiếng của Yên Tử non thiêng.



Tượng An Kỳ Sinh

15. NGƯỜI TU TIÊN HÓA ĐÁ

Rời Vân Tiêu, du khách tiếp tục thượng sơn lên Chùa Đồng. Vừa qua khỏi dốc, du khách ô lên sung sướng vì gió mát. Trên một bãi đất khá bằng phẳng, cách Chùa Vân Tiêu 569 mét, có một tượng đá trông giống hình nhà Sư đứng chấp tay cung kính, áo dài thướt tha, tà áo bay trong gió. Đó là tượng đá An Kỳ Sinh (còn gọi là Yên Kỳ Sinh).

Tượng cao hai mét hai, trừ phần bệ. Ở bên bệ tượng có ban thờ. Tục truyền: Ngày xưa núi này có nhiều cây thuốc mọc tự nhiên. Người ta thường lên núi hái thuốc. Có một đạo sỹ tên là An Kỳ Sinh chuyên hái thuốc, luyện thành thuốc trường sinh và tu luyện đạo tiên. Người ta gọi ông này là thầy An (An tử) để tỏ lòng tôn kính. Về sau, ông chết hóa thành tượng đá trên đỉnh núi.

Xoay quanh nhân vật này, cũng còn một huyền thoại khác:

“Ngày xưa ngày xưa, bên nước Trung Hoa có một thầy địa lý rất giỏi thuật phong thủy. Ông ta phán rằng: Ở một vùng đồi núi phía Nam, nằm bên bờ bể Đông, nơi rồng từ trên trời hạ xuống, có một ngọn núi cao chất ngất. Phía Nam núi ấy

có một dòng sông trắng. Đỉnh núi rất thiêng. Ai là người đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi sẽ được hưởng trường sinh bất tử. Đường vào núi ấy rất gian nan, hiểm trở. Cây rừng chắn lối. Hồ, báo đứng canh.

Nhiều người nghe nói, tìm cách vượt biển, tìm về núi. Có kẻ không kịp quay trở về.

Một đạo sỹ tên là An Kỳ Sinh tu tiên đắc pháp, xuống nước không chìm, lửa thiêu không cháy, nghe được câu chuyện núi thiêng, bèn tìm về phương Nam. Vượt qua bao chặng đường khó nhọc, cuối cùng ông đã tới chân núi. Hồ báo thấy ông đều chạy trốn. Ông khắp khởi mừng thầm: trở thành người đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi thiêng này.

Tới gần đỉnh núi, ông bàng hoàng, kinh ngạc: Đứng trên đỉnh núi là ông già người Việt, râu tóc bạc phơ, tay cầm gậy trúc hươu lên, cười ha hả. Mây trắng bay vờn quanh ông. An Kỳ Sinh sôi máu uất, định quay trở về thì hóa đá. Ông già đỉnh núi chính là ông Bụt⁽¹⁾ của nước Nam”.

⁽¹⁾ Bụt: Phiên âm từ tiếng Ấn Độ Bouddha có nghĩa là Phật. Chữ Hán dịch là Bôì – Đà hay Phật – Đà. Tiếng Việt gọi là Bụt. Tiếng phổ thông trong văn học dân gian, chứng tỏ Đạo Phật truyền vào ta rất sớm.

Đứng trước pho tượng đá, du khách tự hỏi lòng:
Tượng đá thiên tạo hay nhân tạo?

Du khách buồn vì khoảng không gian nơi người xưa đặt tượng, từ 1979 đến nay, có một nhà mái bằng, đổ bê tông đã dựng lên án ngữ. Người ta làm tượng pho tượng An Kỳ Sinh chỉ là vật trang trí cho cái căn nhà đó, chứ không phải là một di tích văn hóa của danh lam Yên Tử.

Lối lên Chùa Đồng cũng bị căn nhà đó chặn ngang. Du khách muốn đi, phải nem nép bên bờ thêm của nó.

Xung quanh pho tượng, vài ba công trình khác từ lâu không sử dụng, chỉ còn trơ lại bức tường đá nham nhở.

Du khách mong sao công trình quốc phòng này ngự ở một nơi nào đó thật hợp lý, không làm mất đi vẻ đẹp của danh lam.

16. TRÊN ĐỈNH NON THIÊNG

Đỉnh núi không tròn như mâm xôi như ta tưởng mà là một sống núi chạy dài, vát lên bầu trời như lưỡi mác. Hai cánh én, hay hai cái bướu dô bướng bình trên đầu voi khi ta nhìn từ xa, giờ biến mất, chỉ còn lại chóp núi vót lên nơi cuối cùng sống núi. Trên đó thấp thoáng bóng chùa Đồng.

Chóp núi cách tượng An Kỳ Sinh 721 mét. Ban đầu, đường đi trên núi khá bằng phẳng, qua một vạt rừng cây lúp xúp, một vạt rừng cây cảnh tự nhiên, chỉ cao hơn đầu người một chút, gốc rễ còi cọc, còng queo và mốc thếch, tô điểm những đóa hoa Trà mi, hoa trứng gà, hoa mai... muôn hồng, nghìn tía. Từ thuở mới khai thiên lập địa, thợ trời đã tạo dựng ở đây một vườn cây cảnh thiên nhiên, hậu sinh tìm về Nhà chiêm ngưỡng. Chếch về phía phải, có một vạt cây rừng sù, vẹt. Thật kỳ lạ: Sù vẹt ở bờ sông lại ngự trên đỉnh núi (!). Những chú ốc sên, những chú còng... ẩn mình trong kẽ đá suốt mùa đông, chỉ đợi xuân sang đất ẩm là xuất hiện. Chúng biến nơi đây thành vương quốc riêng, xa cách cõi trần nơi bờ sông bãi sù.

Qua khỏi vạt cây là bãi đá. Dọc sống núi cơ man nào là đá. Những phiến đá nhỏ, to, cao, thấp thiên hình vạn trạng. Đá xếp thành bậc thang nâng bước chân du khách. Có những phiến đá giống như bầy cá Sấu nằm trườn ườn phơi nắng, xen lẫn với cá voi, ếch ộp, thằn lằn... Có du khách hình dung: Cả đỉnh Yên Sơn là một đóa hoa sen khổng lồ. Mỗi phiến đá là cánh hoa sen nở. Chùa Đồng tọa lạc trên đài sen.

Có đoạn du khách đi men trên triền đá. Triền đá dốc nghiêng về phía đông. Đàng tây dốc đứng thành vực thẳm. Lối đi chỉ vừa một bàn chân chênh vênh. Có đoạn đá bầy ngổn ngang, người đi như lọt vào trận đồ bái quái, khi ẩn, khi hiện, ẩn khuất trong bãi đá.

Trai, gái, già, trẻ... biết bao thế hệ đã lên đây. Từ xưa đến nay, chưa có một tai nạn nhỏ nhoi nào xảy ra ở đỉnh núi thiêng này. Các cụ cho là có Phật độ!

Từ các khe đá, trúc đùi gà, địa lan, dây lạc tiên, cây si đá... mọc ra, xòe tán lá xanh rờn, như thể chứng minh sự sống vẫn thường tồn ngay trên sống núi toàn là đá.

Dưới dân Chùa Đồng, ngổn ngang xếp những tảng đá lớn vuông vức như quân cờ. Lưng đá hần sâu ngấn sóng nước. Những vỏ sò, vỏ ốc hóa thạch còn lưu trong kẽ đá. Đã một thời, đỉnh ngọn Yên Sơn là bờ biển. Trải qua kỳ kiến tạo vỏ trái đất cách đây hàng triệu năm, bờ bể lại trở thành chóp núi. Và đỉnh Yên Sơn đã trở thành một bảo tàng tự nhiên lưu dấu tích sự đổi thay dâu bể thời Hồng hoang.

Cổng Trời tạo lên từ hai tảng đá đặt gần nhau. Chỉ thừa một lối vừa một người đi lọt. Phía dưới Cổng trời, có một phiến đá mỏng cao hơn năm mét, bề rộng dưới chân chừng hai mét. Mặt đá chính diện giống như hình cái oản dâng cúng Phật, trên khắc chữ Hán, được gọi là Bia Phật.

Mặt trước của Bia tạc một hàng gồm bốn chữ Hán lớn theo chiều dọc. Ba chữ trên mờ, chỉ còn lại một chữ cuối cùng khá rõ nét nằm gọn trong vòng tròn: Chữ “Phật”. Phía dưới chữ “Phật” có một hàng ngang gồm bốn chữ Hán: “Tứ tự hồng danh”. Dựa vào nghĩa chữ, Thượng Tọa chùa Phúc Lâm Hải Phòng Thích Quảng Tùng khẳng định: “Toàn bộ tám chữ khắc trên Bia Phật là: A – di -

đà - Phật Tứ - tự - hồng danh; Đã một thời, Pháp môn Tịnh Độ ảnh hưởng đến nơi này, trước khi ra đời pháp phái Thiên Trúc Lâm Yên Tử⁽¹⁾.

Ở bên chân Bia Phật lơ thơ vài khóm trúc. Gió đưa cành trúc ngả nghiêng. Lá trúc như bàn tay đang chỉ về Bia Phật. Một cây cổ thụ đứng kề Bia, tán lá xanh rì, điểm xuyết một vài bông hoa trắng.

Ngắm nhìn Bia Phật, du khách tự hỏi: Tấm bia thiên tạo hay nhân tạo? Có phải thợ trời đã dựng tấm bia này, cũng như dựng tượng An Kỳ Sinh?

Đất sinh ra Đá, thợ Trời dựng Bia. Người khắc chữ để lưu danh lưu tích - một sự kết hợp thật hài hòa giữa ba chủ thể: Thiên - Địa - Nhân (Trời - Đất và Người) để thành thắng tích trên đỉnh núi thiêng này.

Ở gần Bia Phật, có một phiến đá khá bằng phẳng, gọi là Bàn Cờ Tiên. Bàn cờ nghiêng nghiêng. Du khách dừng chân ở Bàn Cờ để ngắm

⁽¹⁾ Đạo Phật ngày nay có nhiều tông phái như: Thiên Tông, Tịnh Độ Tông, Mật Tông... Pháp Phái Trúc Lâm thuộc Thiên Tông.

nhìn Bia Phật, chuẩn bị lễ nghi dâng cúng Chùa Đồng.

Chùa Đồng tọa lạc trên tột đỉnh Yên Sơn, độ cao 1.068 mét so với mặt biển. Sử sách ghi rằng; Vào thời Lê, bà vợ Chúa Trịnh đã công đức xây dựng một ngôi Chùa bằng đồng tại đây. Trong chùa thờ tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Chuông, đồ thờ khác cũng bằng chất liệu đồng. Ngôi Chùa nhỏ như một khám thờ hay cái Ngọc Lộ, không ai được bước vào trong để hành lễ. Tuy cung kính phải đứng xa mà lễ, song, Chùa lại rất gần, chỉ cách người lễ chưa đầy một mét.

Ngôi Chùa có tên “Thiên Trúc Tự” (Chùa Thiên Trúc) mang tên đất nước của Phật Tổ Như Lai “Nước Thiên Trúc”.

Đến năm Canh Thân 1740 thời Lê Cảnh Hưng, lợi dụng việc gió bão làm bạt mái Chùa, kẻ gian đã lên đây tháo dỡ phần còn lại của chùa mang đi, chỉ để lại dấu tích các hố chôn cột trên mỏm đá.

Hai trăm năm sau, vào mùa đông năm 1930, vị Thủ Tự Chùa Long Hoa⁽¹⁾ tên là Bùi Thị Mỹ sau

⁽¹⁾ Hiện chưa rõ ở đâu.

một giấc mơ được Phật Tổ Như Lai báo mộng, đã lên đây tái tạo Chùa Đồng bằng bê tông cốt đồng trên một hòn đá vuông cao quá đầu người. Văn Bia khắc vào mùa đông năm Tân Mùi thời Bảo Đại có đoạn:

“Chùa Thiên Trúc là một danh lam cổ. Tầng trời có chủ, Viện Trúc gặp Tăng. Vật lớn theo tạo hóa mà tiêu ma. Tâm hướng về núi xanh bền vững. Vào một ngày lành năm Canh Ngọ (1930) Phật Như Lai báo cho ta phải trùng tu tích Phật, tái tạo thiên am. Cho nên chẳng riêng Bồ đào độc đáo mà có ánh sáng Tổ nước Nam để lại trên Trời thành hình tượng vấn vương. Vùng tuệ như mặt trời soi tỏ áng mây, như bẹ trúc xanh non, rủ rủ như tùng xanh bách lão...”.

Gần bảy mươi năm qua, ngôi chùa bị giệt mái, chỉ là một di tích tín ngưỡng còn lưu lại. Trong chùa thờ bốn ngôi Tượng đá.

Năm Quý Dậu (1993), ông Nguyễn Sơn Nam, một Việt kiều ở Mỹ, cùng với các phật tử hải ngoại đã hồi hương công đức tái thiết một ngôi chùa đúc bằng đồng dựng bên chùa Đồng cũ. Thượng Tọa Thích Quảng Tùng và một nhóm chuyên gia của

thành phố Hải Phòng đảm đương thiết kế và thi công, nhất tâm phấn đấu để ngôi chùa trở thành một tác phẩm nghệ thuật.

Chùa Đồng mới cấu trúc hình chữ “Đình”, theo dáng một bông hoa sen nở, ngự trên sập đồng chân quỳ dạ cá chạm trở hình hoa sen cách điệu, càng làm tăng thêm vẻ bề thế trang trọng của ngôi chùa.

Mặt trước cửa chùa: Bốn cột đồng đúc như thế cát chia ngôi chùa thành ba gian. Hai cột phía trong hình tròn tạc Rồng quấn. Hai cột phía ngoài đúc hình vuông, trạm trở chữ đồng hai câu đối:

“Lịch đại vĩnh truyền đăng Phật Tổ

Đa niên hiển tích tuệ Như Lai”.

Chạy suốt ba gian là một mảng đồng đúc hoa văn, có hình cuốn như đề ba chữ “Thiên Trúc Tự” và niên hiệu “Quý Dậu niên trùng tu”.

Gian giữa là cửa vông đúc hoa sen, hai bên trạm khắc hình nho sóc.

Trong chùa tôn trí tượng Phật Thích Ca Mâu Ni ngự tọa sen. Hàng dưới là tượng Phật Việt Nam; Ba pho Tam Tổ ngự đài sen. Chính giữa là

tượng Trần Nhân Tông. Hai bên là hai tôn giả Pháp Loa và Huyền Quang. Ngoài cùng là bộ Tam sự, ngũ sự, bát hương đều bằng đồng, gò nổi văn hoa hình cuốn thư, đề 3 chữ Hán “Thiên Nhân Sư” (chỉ Phật Thích – Ca).

Tường hồi bên trái, ở về lối lên, có trạm khắc hình tượng Phật A Di Đà tiếp dẫn, đưa tay tiếp đón, dắt dẫn chúng sinh về cực lạc.

Tường hồi chùa bên phải hướng về chùa Đồng cũ chạm hình gò nổi đức Phật Quán Thế Âm Bồ Tát, tay cầm tịnh bình, cành dương liễu, phía sau là đồng tử bái Quan Âm.

Phía dưới là đoàn thuyền rồng đang bơi lấy từ tích trống đồng Ngọc Lũ.

Các đao góc mái đúc rồng hóa phượng mớm. Trên bốn tấm góc của cổ các chông diêm, có tạo bốn hình long, li, quy, phượng, tượng trưng cho tín ngưỡng Việt Nam.

Ở trên nóc chùa, hai đầu chạy triện, giữa là hồ phù sen hóa nâng bánh xe pháp thay cho mặt nguyệt với kim ngậm bờ nóc. Mái đồng lá gò nổi ngói mũi hài. Hai cửa sổ tròn đúc nổi hoa sen với hình chữ “Vạn” là cát tường, một trong ba mươi

hai tướng quý của Đức phật Thích Ca, với đàn chim lạc bay quanh.

Phía trước chùa, treo quả chuông lớn của thượng tọa Thích Quảng Tùng cùng tứ chúng công đúc.

Trên thế gian này, ít có ngôi chùa được đúc toàn bằng đồng nự trên đỉnh núi cao, như ngôi chùa Đồng ở Yên Sơn. Khoảng giữa hai ngôi chùa cũ và mới treo những quả chuông do các phật tử ở Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh công đúc.

Trên non Yên Tử, vào ngày trời quang, phóng tầm mắt tới chân trời xa tắp: Một vùng đồi núi nhấp nhô như sóng, lúp xúp dưới chân ta. Thị xã Uông Bí, mỏ than Vàng Danh, vùng Tràng Lương Đông Triều và Hà Bắc hiện ra như bức tranh thủy mặc. Xa xa, Vịnh Hạ Long xanh xanh mờ vệt đảo. Mặt vịnh lung linh dưới ánh nắng mặt trời.

Dòng sông Bạch Đằng in bóng núi Tràng Kênh. Ống khói nhà máy xi măng Chinh Phong cao sừng sững. Xa hơn là dòng sông Cẩm, bờ bên kia: Thành phố Cảng Hải Phòng.

Những chiếc cần cầu vươn cách tay lực lưỡng bóc dỡ hàng. Đêm đêm, chân trời phương nam tạo

thành một dải sáng cắt ngang bầu trời đêm. Ánh điện thành phố hắt xuống dòng sông Cấm lung linh và huyền ảo.

Đằng tây sau cánh đồng biếc xanh vùng Mạo Khê (Đông Triều), nhà máy xi măng Hoàng Thạch nổi bật trên nền núi xanh sẫm. Xa tít tắp cuối chân trời Phương Bắc, chỉ thấy màu xanh tinh khiết của núi rừng.

Vào ngày mù sương, ở chùa Đồng, ta như đứng trên đồng đảo nhỏ, nổi bồng bênh giữa đại dương mênh mông.

Gió từ biển cả thổi về đây, mang theo cái mặn mòi của biển.

Gió lùa vào kẽ đá, phát ra muôn tiếng nhạc bổng trầm. Giữa khung cảnh đất trời kỳ vĩ và ngoạn mục, du khách xốn xang đến khó tả. Tâm hồn nhẹ nhõm và thanh thoát. Bao nỗi ưu phiền trần tục được tiêu tan. Cảm giác kỳ diệu ấy, chỉ khi lên chùa Đồng mới có.

Chẳng thế mà nhiều cụ tuổi cao, đã vài chục năm về Yên Tử, năm nào cũng phải lên chùa Đồng. Có cụ bà tuổi đã ngoài tám – chín mươi, lưng còng rạp, vẫn cố gắng thượng sơn tới chùa

Đồng. Chưa tới chùa Đồng, chưa được coi là về Yên Tử. Các cụ truyền nhau:

“Tu tây tu đông

Chưa về chùa Đồng chưa đắc quả tu”.

Bao bài thơ, bao áng văn hay nhất, đã ngợi ca đỉnh núi linh thiêng này. Song chỉ lên đây, du khách mới có thể cảm nhận hết cái hay, cái đẹp:

“Trên non Yên Tử chòm cao nhất

Trời mới sang canh đã sáng tinh

Vũ trụ mất đưa ngoài biển cả.

Nói, cười – người ở giữa mây xanh

Muốn hàng giáo ngọc tre gài cửa

Bao dải tua châu đá rủ màn

Di tích Nhân Tông còn lưu đấy

Trùng đồng thấy giữa ánh Quang Minh”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bản dịch của cụ Đào Duy Anh từ bài thơ chữ Hán của Thi hào Nguyễn Trãi.

MỘT ÔNG VUA HÓA PHẬT

*“Ta chẳng yên lòng làm một đấng quân vương
Khi trần thế còn tai ương, tiếng khóc
Ta muốn hóa thân trong kiếp khác
Đem nước cành dương rửa sạch bụi trần”⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Trích “Trần Nhân Tông” của Hoàng Huy.

17. TRẦN NHÂN TÔNG MỘT ÔNG VUA HÓA PHẬT

Chẳng phải siêu nhân do truyền thuyết thêu dệt. Một con người có thật trong lịch sử, bằng xương, bằng thịt, sinh ra và lớn lên tại kinh đô Thăng Long, sau khi đã hoàn thành sự nghiệp vẻ vang: đánh đuổi ngoại xâm, đem lại quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc cho muôn dân Đại Việt, đã từ bỏ ngai vàng, vào Yên Tử tu hành rồi hiển Phật... Đó là Đức Vua Trần Nhân Tông – một Hoàng Đế minh quân kỳ tài, góp phần tô thêm trang sử vàng chói lọi của dân tộc thời nhà Trần, tạo lập đỉnh cao nền văn minh Đại Việt.

Triều đại nhà Trần kéo dài 175 năm, từ năm 1225 đến năm 1400 và trải qua 14 đời vua. Trần Nhân Tông là đời vua thứ 3, sau ông nội là vua Trần Thái Tông và vua cha là Trần Thánh Tông.

Ngài sinh ngày 7 tháng 12 năm 1258, tức vào ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ và mất ngày 16 tháng 11 năm 1038 tức vào ngày 03 tháng 11 năm Mậu Thân.

“Khi đức vua sinh ra, được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, gọi là Kim Tiên Đồng Tử, ở vào bên tả có nốt ruồi đen”.

Thuở nhỏ, nhà vua thường theo vua cha lên chơi núi Yên Tử, sớm bộc lộ chí xuất gia tu hành.

Năm 21 tuổi, Ngài được vua cha truyền ngôi báu (1297) và đã làm vua suốt 14 năm trời. Vì là bậc minh quân có biệt tài kinh bang tế thế, Ngài có công lớn trong việc lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống Nguyên Mông thắng lợi, xây dựng đất nước được phồn vinh.

Mười lăm năm ở ngôi Thái Thượng Hoàng, cũng là mười lăm năm vua Nhân Tông tu hành và hiển Phật.

“Thế tôn bỏ ngai vàng quý báu, nửa đem vượt thành, bỏ áo rồng cao sang, non xanh cắt tóc, mặc chim thước làm tổ trên đỉnh đầu, mặc con nhện chăng tơ trên vai cánh, tu pháp tịch diệt để tỏ đại chân như, dứt cội trần duyên mà thành bậc chính

Trích “Đại Việt ký sử toàn thư”.

giác. Đúc tổ ta là Điều Ngự Nhân Tông Hoàng đế ra khỏi cõi trần, thoát vòng tục lụy, bỏ chốn cung vua ra giữa sơn môn..”

Vua Trần đi tu, không phải để trốn đời, yếm thế, mà đi tu để nhập thế, cứu đời. Có điều, nhà vua cứu đời, không phải cứu đời theo kiểu của một ông Vua, mà là theo kiểu của thánh nhân.

Làm vua chỉ chặn dân trăm họ. Làm Phật cứu độ cả muôn loài. Bởi vậy, tấm gương Vua Phật tuy ẩn mà lại hiện, tuy mờ mà lại sáng. Ngài bứt khỏi cái bình thường để vượt lên trở thành cái phi thường.

Bởi thế, hàng ngàn năm qua, bao triều đại thịnh suy trị vì đất nước này, bao người đã làm vua. Song có ai được nhân gian ngưỡng vọng, tôn thờ như Vua Phật Nhân Tông?

Vua Trần đi tu, không để tự biến mình thành lính gác biên thù như lời nhận định của Hải Lượng Thiên sư – người tự coi mình là đệ tử Tổ

⁽¹⁾ Xin đọc thêm: “Danh nhân Yên Tử” – NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội 1996 – Từ trang 19 đến trang 34.

Trúc Lâm vào thế kỷ 18: “Người ta thấy Điều Ngự Đệ nhất Tổ đến chùa Hoa Yên thì bảo là ngài xuất gia. Ta biết rằng Đức Ngài lúc bấy giờ biết xem thiên hạ là công, trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh mẽ, sợ người ta dao động, cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là núi cao nhất, phía Đông nhìn về Yên Quảng, phía Bắc liếc sang hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, dựng lên ngôi chùa, thường thường dạo chơi để xem động tĩnh cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm”.

Một ông vua biểu trưng cho quyền lực quốc gia, trong tay có hàng vạn binh mã. Quốc gia lâm nguy, mỗi người dân trở thành một chiến sỹ... đâu lại trở thành một cái tôi hữu hạn biến mình làm lính gác biên thù?

Thực ra, đỉnh núi Yên Tử – nơi Vua Phật tu hành – không đủ cao để nhìn tới tận biên cương phương Bắc, không thể nhìn xa tận biển Đông.

⁽¹⁾ *Lịch triều hiến chương loại chí – Văn tịch chí – Phan Huy Chú. Đoạn trên của Vua Trần Minh Tông viết về ông nội của mình (T.T).*

Cái nhìn hạn hẹp, cách lý giải chủ quan của người đời sau như trên mà ngày nay chúng ta cứ mặc nhiên công nhận đã làm giảm sút, lệch lạc cái động cơ và mục đích tu hành rất cao cả, thiêng liêng của Vua Phật Nhân Tông. Việc coi Vua Trần trở thành người lính gác biên thùý có thể là ý tưởng đẹp đẽ theo kiểu tư duy thời chiến tranh, có tác dụng giáo dục bao thế hệ biết hy sinh cho cuộc sống yên bình hưởng lạc, xông pha nơi bom đạn chiến trường, song vô tình đã làm giảm đi cái đẹp lớn lao của ông Vua hóa Phật.

Điều này dễ hiểu, vì lúc xuất gia, Vua Trần không nói cho ai biết vì sao mình lại đi theo gót chân Bụt, và vì sao lại chọn về Yên Tử... để đời sau mặc sức luận bàn.

Phải chăng Yên Tử có đủ những điều kiện để giúp cho những bậc tu hành trì đắc đạo, không kém gì xứ sở Phật đà già la (Nairanjana) của Đức Phật Thích Ca?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đắc đạo thành Phật là nhờ vào phép tu thiền Định dưới gốc cây Bồ Đề.

Vua Trần cũng tu thiền, lập pháp tu thiền để đạt đạo.

Thiền (Dhyana) là sự tập trung tư duy cao độ, được các nhà tu hành thực hiện bằng cách ngồi im lặng (tĩnh tọa) gọi là tọa thiền, tham thiền nhập định hay thiền định.

Phật giáo ngày nay chia thành 10 giáo phái khác nhau, giống như 10 dòng sông về chung một bến bờ giác ngộ và giải thoát. Các giáo phái khác dựa vào kinh điển, giáo lý Phật dạy để tu trì. Giáo phái Thiền chủ trương dùng tâm mà truyền tâm. Phật ở trong tâm. Tâm tức Phật, Phật tức Tâm. Nếu ai thấy được tâm tính thì lập tức thành Phật. Thiền phái cho rằng: tất cả kinh điển chẳng qua như ngón tay chỉ mặt trăng. Đến như mặt trăng chân lý thì chúng ta không thể dùng văn tự ngôn ngữ mà diễn tả hay hiểu rõ được. Vì thế, người tu hành theo pháp môn Thiền định đứng ngoài kinh luận. Họ chỉ dùng phép tâm ấn của Phật tổ để làm môn đơn truyền tâm cho thế hệ sau. Chỉ khi nào đôi bên tâm đầu ý hợp, thông cảm đạo lý, truyền

thụ được chân lý thì mới thực hiện được phép tâm truyền.

Trong khi tham thiền nhập định, người tu hành dùng phép điều thân và điều tâm. Họ điều thân bằng cách tiết chế sự ăn uống, hơi thở và cơ thể theo những cách thức nhất định của phép tu Thiền định. Họ điều tâm bằng cách đưa tâm mình trở về một trạng thái tĩnh lặng tuyệt đối, không nghĩ việc dữ – lành, thoát ly những ý niệm mê ngộ, sinh tử, tiến đến mà an trú vào cảnh giới tuyệt đối, dẹp trừ ý niệm và ngôn ngữ, trừ tuyệt tâm tư. Cả thân lẫn tâm trở về với trạng thái hoan lạc tĩnh lặng. Đến một lúc nào đó, tất cả các ý niệm đều tiêu tán, hơi thở cũng gần như đoạn tuyệt, chỉ có một trạng thái sáng suốt, bên trong không thấy có thân tâm, bên ngoài không thấy có thế giới, đó chính là cảnh giới ngộ đạo.

Người tu theo pháp môn Thiền Định rất cần tới một nơi yên tĩnh, thanh tịnh để ngồi thiền. Núi rừng Yên Tử cách biệt với phàm trần là một nơi lý tưởng để tu thiền.

Không bàn tới yếu tố tinh mạch, linh thiêng của ngọn núi này mà xét tới tính khoa học của vấn đề, các nhà nghiên cứu cho rằng: Những quả núi lâu đời như Yên Tử, Hy Mã Lạp Sơn (Tây Tạng), Phú Sĩ (Nhật Bản)... đều có lực từ trường khá lớn. Những luồng điện này sẽ làm tăng thêm lực cho dòng lưu nhân điện trong thân thể những người ngồi thiền nơi núi đó. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng nhập định và thành đạo dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn, cạnh núi Tượng Đầu. Sau khi đắc đạo, Ngài vẫn thường cùng với các đệ tử ngồi thiền định trên non Linh Thứu.

Người ngồi thiền mặt quay về hướng nam, lưng xây về hướng bắc là tốt nhất. Khi ngồi, tư thế lưng phải thật thẳng đứng để cho luồng hỏa hâu của cơ thể lưu chuyển dễ dàng trong cột sống. Muốn vậy, người ta phải kê gối ngồi thiền, hay tận dụng mặt bằng có độ dốc hơi nghiêng về phía trước. Vị trí ngồi thiền phải ở nơi thanh tịnh, thoáng khí trong lành. Môi trường ô nhiễm sẽ làm cho khí Prana trong cơ thể (được tạo ra sau khi tọa thiền) sẽ

không được tinh khiết, bất lợi cho việc tạo luồng hỏa hầu trong cơ thể người thiền.

Vạt núi sườn nam của Yên Tử hợp cách rất tự nhiên giúp cho người thiền có được đầy đủ các điều kiện ngoại cảnh để tu thiền, như có lực từ trường, việc ngồi quay hướng nam, mặt dốc hơi nghiêng về phía trước tự nhiên và không khí trong lành, thanh tịnh.

Vua về Yên Tử bởi nơi này thuở trước, đã lưu danh kỳ tích An Kỳ Sinh tu tiên, đắc đạo. Cuối thời Lý có thiền sư Hiện Quang, đầu thời Trần có nhà thiền sư Đạo Viên, Tiêu Diêu, Đại Đăng là thầy độ của Điều Ngự Giác Hoàng cũng tu hành và đắc đạo ở đây. Cho nên, việc Đức Điều Ngự Giác Hoàng lựa chọn Yên Tử để tu hành không phải là vô căn.

Người tu thiền theo chính pháp và đạt đạo có được những quyền năng siêu việt mà người thường không dễ gì có được. Phật giáo truyền rằng:

Nhờ phép tu Thiên Định, Tôn Giả Phú Lô Na cùng Mục Kiền Liên đã từng vâng mệnh của Đức

Phật Thích Ca xuất thân từ hư không bay vào trong ngục giảng thuyết pháp yếu và truyền trao tâm pháp yếu cho Vua Tần Đà TaLa là vua nước Ma – Kiệt – Đà đang bị giam cầm. Tôn Giả A Na Luật tuy bị mù lòa có khả năng thiên nhãn thông (Nhìn xa ngàn dặm). Tôn giả Xá Lợi phát mắt có thể nhìn thấy 60 tiểu kiếp người về trước. Tôn giả A Nan đã nhìn thấy cõi Tây Phương cực lạc mà ở đó Đức Phật A Di Đà đã phóng ra muôn vàn ánh hào quang rực rỡ. Đức Thích Ca Mâu Ni có phép tha tâm thông (thấy được lòng người khác) nên từ xa đã đọc được tư tưởng của đại đệ tử Tu – Bồ – Đề.

Các nhà sư tu thiền khẳng định rằng: tuy ngồi thiền trong am cỏ Ngọa Vân trên đỉnh núi Yên Tử, Đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đã dùng hào quang định lực của mình mà quán chiếu trong, ngoài, trên dưới. Mọi sự với Ngài đều thông tỏ.

Trên đỉnh núi Yên Sơn, cách biệt với kinh kỳ, Vua Phật Nhân Tông vẫn rõ được triều chính, nhiều lần về triều khuyên bảo vua Anh

Tông tu dưỡng tâm tính, kìm bớt lòng dục, xa rời tử sắc, gìn giữ chân tâm... xứng đáng trở thành bậc quân vương tôn kính. Ngài còn biết rõ được biên cương phương Bắc, phương Tây và phương Nam, có được những quyết sách lớn lao và đúng đắn nhằm gìn giữ tình bang giao giữa các nước láng giềng và Đại Việt, giữ vững nền an ninh chính trị nước nhà.

Trên non Yên Tử, Ngài hoàn thiện hệ thống giáo lý của Pháp phái Trúc Lâm. Giáo lý Trúc Lâm đã trở thành nền tảng tư tưởng và đạo đức của một thời đại hoàng kim của triều Trần, giai đoạn Phật giáo là Quốc Đạo.

Cho nên, việc từ bỏ ngôi vua vào núi để tu hành của Vua Trần Nhân Tông tưởng chừng xuất thế, nhưng đích thực lại nhập thế tích cực. Từ chức vị cao sang của nhà vua, Vua Trần trở về ngôi tôn quý Nhà Phật. Nhà Vua từ cái nhất thời, hữu hạn mà trở về cái vô hạn, vĩnh hằng. Không phải lúc chết, Vua Trần mới hóa Phật. Cái tên Vua Bụt (Phật) đã được tôn vinh cho vua Trần khi Ngài còn tại thế:

“Bụt ở cung nhà, chẳng phải tìm xa. Nhân thiếu gốc nên ta tìm Bụt; Đến biết hay Bụt chính là ta”⁽¹⁾.

Hàng năm, mỗi độ xuân về, hàng triệu cháu con của Rồng Tiên đất Việt và bạn bè bốn phương lại về Yên Sơn lễ Phật và vãng cảnh.

Họ bồi hồi tưởng niệm đức Vua Trần, một ông vua đã khước từ phú quý, vinh hoa, tước vị cao sang, già biệt chốn phồn hoa đô hội lên non xanh Yên Tử tu hành, trút bỏ một cuộc sống lý tưởng của người thường để trở thành một đức Phật Đại Hùng, Đại Lực, Đại Bi và Đại Trí, xứng danh là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của Việt Nam.

TRẦN TRƯỜNG

⁽¹⁾ *Cư Trần Lạc Đạo Phú - Trần Nhân Tông. Trích hợp tuyển văn học Việt Nam thế kỷ X - XVII Nhà xuất bản Văn học Hà Nội - trang 111.*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

-----***-----

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập:

NGUYỄN VĂN NGHINH

THẢO NHUNG

Trình bày:

VĂN NGUYỄN

In 3.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty In & Văn hóa phẩm.

Giấy phép xuất bản số: 122/XB-QLXB/03-VHTT,

do Cục Xuất bản cấp ngày 24-3-2005.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2005.

Giá: 15.000đ

Hiệu sách nhân dân Uông Bí
độc quyền phân phối ấn phẩm này

